

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN SƠN TRẠNG

----- ☞ ☞ -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

“ CƠ SỞ SẢN XUẤT PHÂN BÓN SƠN TRẠNG ”

**Địa điểm: xã Tuấn Việt và xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành,
tỉnh Hải Dương**

CHỦ CƠ SỞ



**GIÁM ĐỐC
NGUYỄN DANH TÚ**

Hải Dương, năm 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	5
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở	6
2. Tên cơ sở.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	6
a. Quy trình công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ.....	6
b. Quy trình công nghệ sản xuất (phối trộn) phân bón vô cơ.....	8
3.3. Sản phẩm của cơ sở	13
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	13
4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu.....	13
4.2. Nhu cầu điện, nước và nhiên liệu.....	16
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	17
5.1. Các hạng mục công trình xây dựng.....	17
5.2. Danh mục máy móc thiết bị.....	22
5.3. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện của cơ sở	23
5.3.1. Tiến độ thực hiện của cơ sở	23
5.3.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư.....	23
5.3.3. Tổ chức quản lý và thực hiện của cơ sở	24
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	25
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh.....	25
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	25
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	27
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	27
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	27
1.2.1 Công trình, biện pháp thu gom nước thải	27
1.2.2 Công trình xử lý nước thải	28
2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải	30
2.1. Các biện pháp giảm thiểu khí thải giao thông	31

2.2. Biện pháp đảm bảo hoạt động của công nhân trong nhà xưởng đồng thời giảm thiểu mùi từ các công đoạn sản xuất	31
2.3. Hệ thống thu hồi xử lý bụi, khí thải sậy	32
2.4. Hệ thống thu hồi, xử lý khí thải làm nguội.....	33
3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn thông thường	34
3.1. Đối với chất thải sinh hoạt.....	34
3.2. Đối với chất thải công nghiệp.....	35
4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại.....	36
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung.....	37
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	38
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố do hệ thống xử lý nước thải hoạt động không hiệu quả.....	38
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải	38
6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình phân loại, lưu giữ chất thải	39
7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khác	39
7.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ	39
7.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố mất an toàn vệ sinh thực phẩm, lây lan dịch bệnh.....	40
7.3. Phương án, phòng ngừa ứng phó sự cố tai nạn lao động.....	40
7.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố mất an toàn giao thông.....	41
7.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất.....	41
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	43
9. Kế hoạch, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).....	43
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	44
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	44
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	45
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	45
4. Nội dung chương trình quản lý đối với chất thải	46
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	48
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	48
1.1. Kết quả quan trắc môi trường năm 2023	48
2. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các khu vực sản xuất	48
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	50
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở	50

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	50
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	50
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	50
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	51
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ	52

DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ HÌNH VẼ

Bảng 1. Nhu cầu về nguyên, nhiên vật liệu của cơ sở.....	13
Bảng 2. Nhu cầu nhiên liệu, điện, nước cho sản xuất	16
Bảng 3. Cơ cấu sử dụng đất của Công ty.....	17
Bảng 4. Danh mục các công trình xây dựng.....	18
Bảng 5. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất	22
Bảng 6. Thông số kỹ thuật các bể trong hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	29
Bảng 7. Máy móc, thiết bị trong hệ thống xử lý	30
Bảng 8. Danh mục, khối lượng chất thải sản xuất	35
Bảng 9. Lượng chất thải nguy hại phát sinh của Cơ sở.....	36
Bảng 10. Tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý năm 2023	48
Bảng 11. Tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các khu vực sản xuất (tháng 7/2023).....	48
Bảng 12. Tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các khu vực sản xuất (tháng 12/2023).....	49
Hình 1. Quy trình sản xuất phân hữu cơ sinh học.....	7
Hình 2. Quy trình phối trộn phân bón NPK, NK (đa màu)	8
Hình 3. Quy trình phối trộn phân bón NPK, phân NK, phân NPK bổ sung trung lượng và phân bón trung lượng (một hạt viên tròn)	9
Hình 4. Quy trình công nghệ sản xuất phân bón NPK, phân bón NK, phân bón NPK trung lượng (loại 1 hạt mảnh)	12
Hình 5. Cơ cấu tổ chức và quản lý sản xuất của Nhà máy	24
Hình 6. Mạng lưới thu gom nước mưa	27
Hình 7. Mạng lưới thu gom nước thải	27
Hình 8. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.....	29

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BXD	Bộ xây dựng
BYT	Bộ Y tế
BTNMT	Bộ Tài nguyên và môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
CTR	Chất thải rắn
CTRSX	Chất thải rắn sản xuất
CTNH	Chất thải nguy hại
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CN	Cử nhân
CBCNV	Cán bộ công nhân viên.
HTXL	Hệ thống xử lý
KS	Kỹ sư
KT-XH	Kinh tế - xã hội
NTSH	Nước thải sinh hoạt
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QLNN	Quản lý nhà nước
QC	Quy chuẩn
TC	Tiêu chuẩn
UBND	Ủy ban nhân dân
WHO	Tổ chức Y tế thế giới
MT	Môi trường
SX	Sản xuất

MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800446530, đăng ký lần đầu ngày 05/3/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21/3/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Công ty có trụ sở chính tại xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang thực hiện dự án Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang trên tổng diện tích 16.466m² (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sê ri số CY 771654). Dự án Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang được UBND tỉnh Hải Dương cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 3726/QĐ – UBND ngày 09/12/2020 với các nội dung sau:

- Tên dự án: Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang
- Quy mô công suất: Sản xuất phân bón hữu cơ 9.000 tấn/năm; Sản xuất (phối trộn) phân bón vô cơ: 9.500 tấn/năm.
- Diện tích thực hiện: 16.466m².

Giai đoạn này đã được UBND huyện Kim Thành cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1054/GXN – UBND ngày 27/5/2021. Thời điểm hiện tại Cơ sở đang hoạt động ổn định.

Tổng vốn đầu tư 35.210.000.000 VNĐ (*Ba mươi lăm tỷ, hai trăm mười triệu đồng*) – Cơ sở thuộc nhóm C được phân loại theo tiêu chí tại khoản 4 điều 10 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019. Cơ sở là dự án nhóm III theo mục 2, mục I, phụ lục V, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Theo khoản 2 điều 39 và theo khoản 4 điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án theo hướng dẫn tại phụ lục XII, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 để trình UBND huyện Kim Thành xem xét và phê duyệt.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang

- Địa chỉ trụ sở chính: Km 66, Quốc lộ 5, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

- Người đại diện theo pháp luật:

Đại diện: Ông Nguyễn Danh Tú

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0983697089

Email: Sontrangphanbonpk@gmail.com

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800446530, đăng ký lần đầu ngày 05/3/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21/3/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

- Quyết định số 3726/QĐ – UBND ngày 09/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương chủ trương đầu tư Dự án Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang của Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang.

2. Tên cơ sở

- Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang

- Địa điểm thực: xã Tuấn Việt và xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1054/GXN – UBND ngày 27/5/2021 cho Dự án Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang của Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang tại xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc nhóm C được phân loại theo tiêu chí tại khoản 4 điều 10 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất của cơ sở theo Quyết định chủ trương đầu tư số 3726/QĐ – UBND ngày 09/12/2020:

- Sản xuất phân bón hữu cơ: 9.000 tấn/năm.

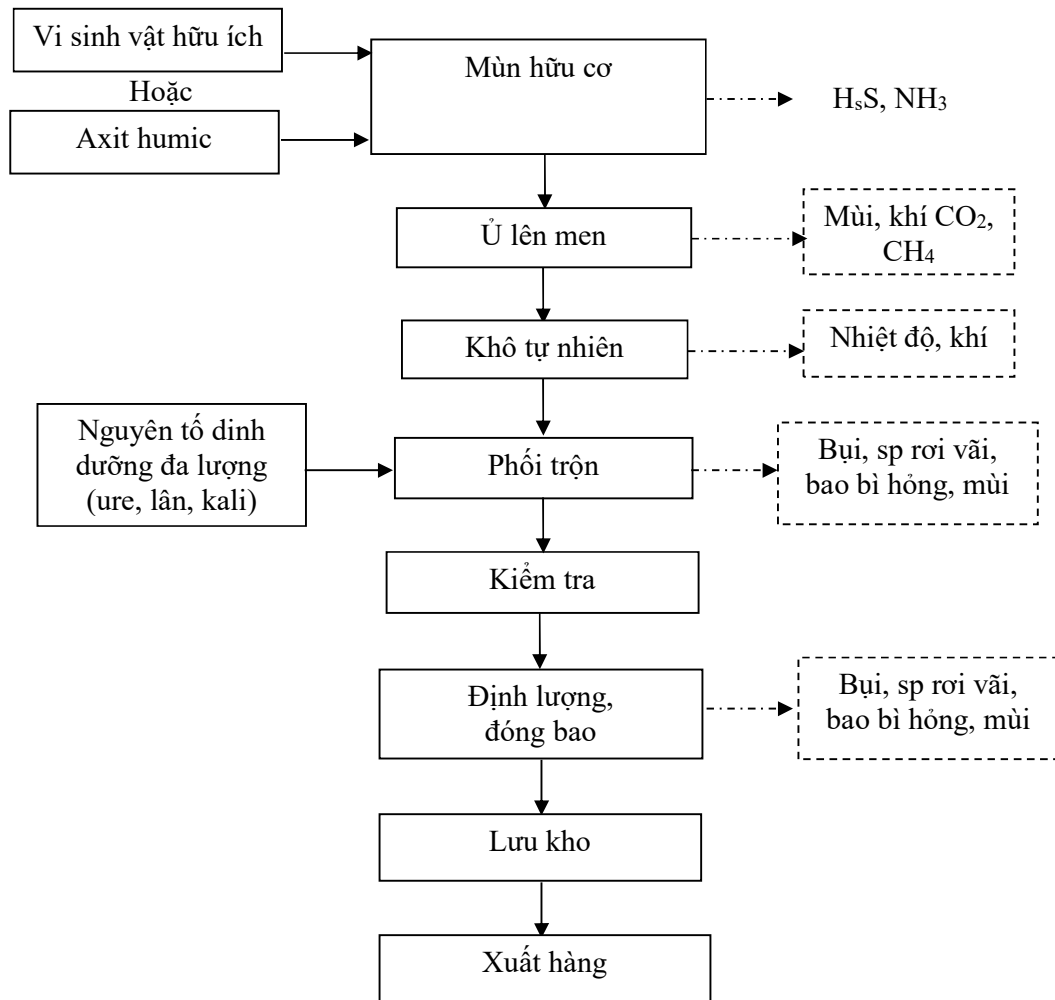
- Sản xuất (phối trộn) phân bón vô cơ: 9.500 tấn/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

a. Quy trình công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ

Công ty sản xuất phân bón hữu cơ bao gồm: Phân bón hữu cơ, phân bón hữu cơ truyền thống, phân bón hữu cơ vi sinh, phân bón hữu cơ sinh học, phân bón hữu cơ khoáng. Quá trình thực hiện có 1 nguyên lý chung, cụ thể như sau:

Phân hữu cơ sinh học là phân bón trong thành phần chất chính gồm có chất hữu cơ và ít nhất 1 chất sinh học (axit humic, axit fulvic, axit amin, vitamin...).



Hình 1. Quy trình sản xuất phân hữu cơ sinh học

*** Thuyết minh:**

Quy trình sản xuất phân hữu cơ sinh học được thực hiện theo 4 bước sau:

- Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu đầu vào bao gồm than mùn hữu cơ, vi sinh vật hữu ích và axit amin....

- Bước 2: Dùng vi sinh vật phân giải để ủ. Ủ trong thời gian 10 ngày để lên men với nhiệt độ thích hợp. Sau khi ủ thành công thu được chất nền hữu cơ, sau đó phơi khô tự nhiên ở nhiệt độ đến khi độ ẩm đạt 30% thì đem đi phối trộn.

- Bước 3: Quá trình phối trộn là quá trình bổ sung thêm chế phẩm vi sinh vật và các nguyên tố dinh dưỡng đa lượng như ure, lân, kali. Nguyên liệu sau khi phối trộn được băng tải chuyển đến công đoạn kiểm tra.

- Bước 4: Kiểm tra chất lượng thành phẩm về màu sắc, độ toi xốp.

- Bước 5: Định lượng và đóng gói bằng máy theo lệnh sản xuất đã ký duyệt. Các bao chứa phân trọng lượng 10, 25, 50 kg được đặt từ 2-3 ngày ở nhiệt độ phòng (27-28⁰C) để theo dõi trước khi thu về kho chứa nhiệt độ 40⁰C.

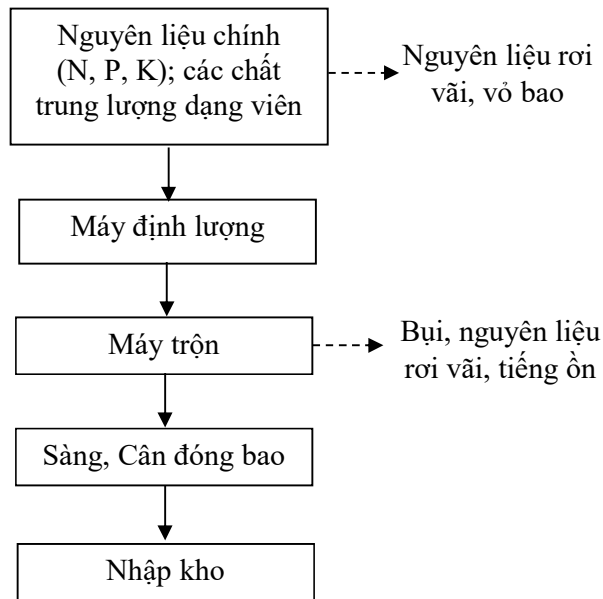
Sản phẩm được lưu kho và chờ xuất cho khách hàng.

b. Quy trình công nghệ sản xuất (phối trộn) phân bón vô cơ

Sản phẩm phân bón vô cơ của Công ty bao gồm: Sản phẩm phối trộn NPK, NK, NPK bổ sung trung lượng, phân bón trung lượng; sản phẩm phân bón 1 hạt (NPK, NK, trung lượng) và phân bón bổ sung trung lượng.

b1. Quy trình công nghệ sản xuất (phối trộn) phân vô cơ NPK, NK, NPK bổ sung trung lượng, phân bón trung lượng (loại đa màu)

Phân bón hỗn hợp – là phân bón trong thành phần chất chính có chứa ít nhất 2 nguyên tố dinh dưỡng đa lượng được sản xuất bằng cách phối trộn từ các loại phân bón khác nhau. Đối với loại phân NPK, NK, phân trung lượng được trộn từ nguyên liệu đầu vào dạng viên. Các bước quy trình phối trộn như sau:



Hình 2. Quy trình phối trộn phân bón NPK, NK (đa màu)

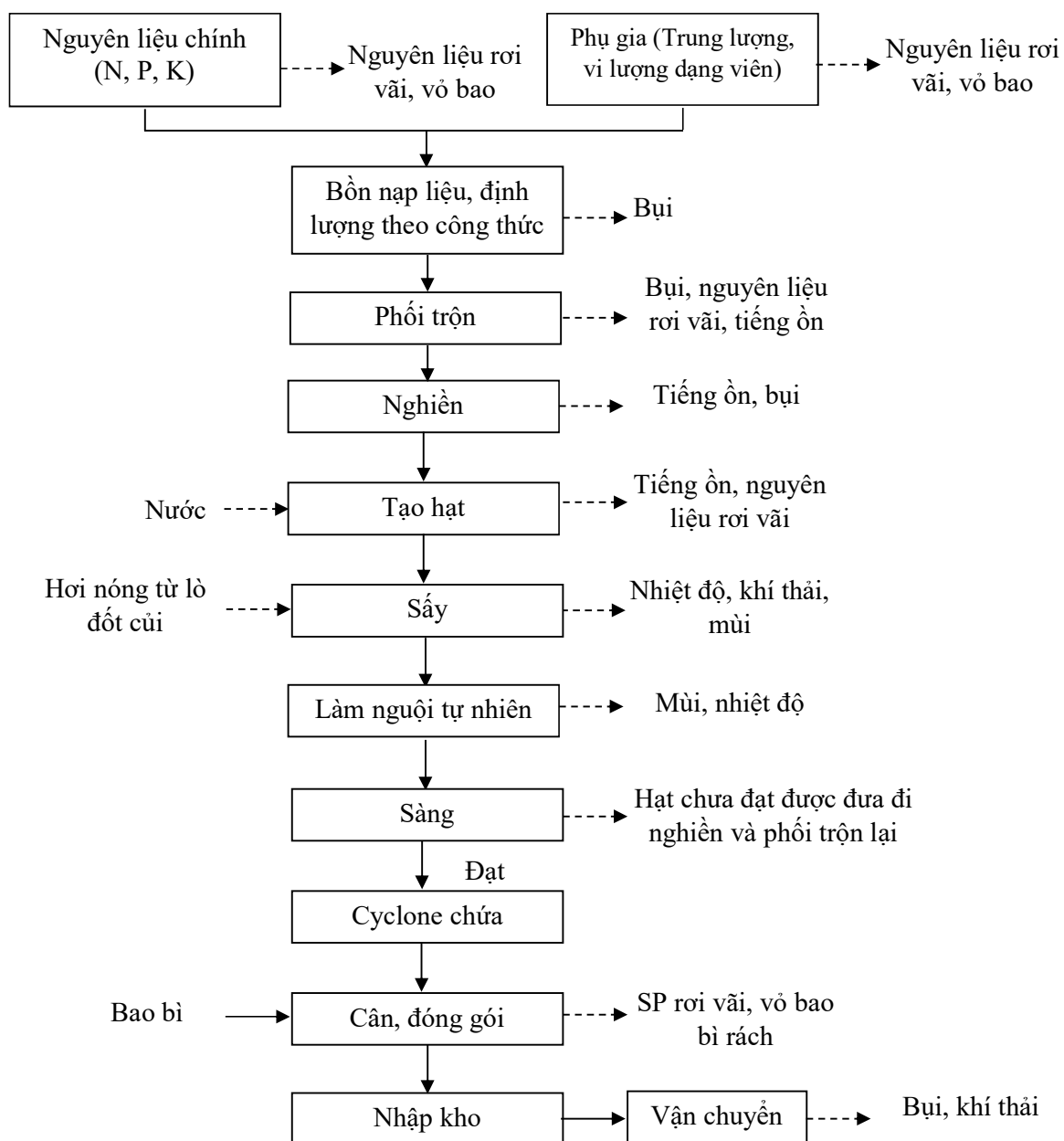
*** Thuyết minh:**

Nguyên liệu bào gồm N, P, K và trung lượng dạng viên được định lượng theo tỷ lệ nhất định sau đó được trộn đều bằng chảo trộn. Quá trình trộn sẽ phát sinh bụi, nguyên liệu rơi vãi, tiếng ồn. Sau khi được đảo trộn, hỗn hợp được cân, đóng bao và nhập kho chờ xuất cho khách hàng.

Đây là loại hỗn hợp mà trong đó các hạt nguyên liệu đơn được phối trộn lại với nhau, mỗi hạt chỉ chứa 1 hoặc 2 nguyên tố đa lượng cần thiết cho cây trồng. Ví dụ Ure có màu đục chỉ đại diện cho 1 thành phần đạm Nitrogen (N) tổng số 46%, kali hạt có màu đỏ sẫm đại diện cho thành phần kali tổng số (K₂O) 60%, hạt DAP có màu đen

hoặc xanh, hoặc nâu... đại diện cho thành phần đạm N (18%) và lân (P2O5) 46%...

b2. Quy trình phối trộn phân NPK, phân NK, phân NPK bổ sung trung lượng



Hình 3. Quy trình phối trộn phân bón NPK, phân NK, phân NPK bổ sung trung lượng và phân bón trung lượng (một hạt viên tròn)

* Thuyết minh:

Quy trình phối trộn phân bón NPK, NK, phân NPK bổ sung trung lượng dạng 1 hạt viên tròn gồm 7 công đoạn chính. Mỗi công đoạn lại gồm một số công đoạn nhỏ. Các bước công nghệ được mô tả cụ thể như sau:

1. Chuẩn bị, nguyên liệu:

- Nguyên liệu chính chứa các thành phần: đạm - Ure $(\text{NH}_2)_2\text{CO}$, SA (Amonium Sulphate), $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, Amoni Clorua (NH_4Cl) , DAP (Di amoniphosphate), $(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$, cao lanh (hạt độn Zeolite), $\text{Al}_2\text{Si}_2\text{O}_5(\text{OH})_4 \cdot n\text{H}_2\text{O}$, lân, kali.

- Nguyên liệu phụ chứa các thành phần: Trung lượng, vi lượng và các phụ gia khác... (S, Si, Mg, Ca, P, Bo, Zn, Fe, Cu).

Nguyên liệu được mua từ các đơn vị cung cấp truyền thống, có uy tín trong nước và được cán bộ kỹ thuật kiểm tra chất lượng trước khi đưa vào sản xuất.

2. Phối trộn: Các nguyên liệu được định lượng theo tỉ lệ, công thức của từng sản phẩm sau đó đưa vào máy nghiền trộn, trộn đều trong khoảng 15-20 phút. Tỷ lệ phối trộn như sau đạm - Ure $(\text{NH}_2)_2\text{CO}$: 14,2%, SA (Amonium Sulphate, $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$: 9,95%, Amoni Clorua (NH_4Cl) : 9,95%, DAP (Di amoniphosphate), $(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$: 12,7%, cao lanh (hạt độn Zeolite), $\text{Al}_2\text{Si}_2\text{O}_5(\text{OH})_4 \cdot n\text{H}_2\text{O}$: 19,8%, lân: 26,4%, kali : 4,8%, thành phần trung vi lượng: 2,2%. Sau công đoạn trộn, hỗn hợp được đưa đến công đoạn nghiền.

3. Công đoạn nghiền: Nguyên liệu được đưa vào nghiền để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về độ mịn tạo điều kiện thuận lợi cho việc vê viên tạo hạt đồng thời sản phẩm sau này có hình thức đẹp, tăng độ cứng cũng như đảm bảo đồng thời các thành phần trong hạt phân và đảm bảo chất lượng hạt phân. Nguyên liệu được nghiền bằng máy búa, sau đó được băng tải vận chuyển nạp vào các phễu chứa liệu theo từng loại riêng.

4. Tạo hạt: Mục đích của quá trình này là tạo các hạt có kích thước mong muốn (2-5mm), có thành phần dinh dưỡng và kích thước hạt đồng đều, có độ ẩm thích hợp (4,5 -6%) để tạo điều kiện thuận lợi cho các quá trình tiếp xúc tiếp theo. Tại công đoạn này, nước được phun bằng vòi phun nhằm tạo độ ẩm thích hợp có nguyên liệu. Tại đây, nhờ lực ly tâm và trọng lực của các nguyên liệu, độ ẩm do nước đưa vào, các hạt NPK, NK, trung lượng dần dần được hình thành. Quá trình tạo hạt được phân ra 3 giai đoạn chính:

- Tạo mầm hạt;
- Nâng kích thước hạt (còn gọi là quá trình trưởng thành của hạt);
- Bọc tạo áo sản phẩm.

Quá trình tạo mầm hạt sản phẩm được thực hiện trong khoảng 10 -15 phút, cho đến khi các hạt có kích thước đồng đều nhau (1,5 – 2mm). Kích thước và độ đồng nhất của mầm hạt là nhân tố quan trọng quyết định kích cỡ và độ đồng đều của sản phẩm cuối cùng.

Quá trình hạt trưởng thành được tiến triển như sau: Các hạt nhỏ khi chuyển động vào vị trí phun nước, sẽ được tạo một lớp ngoài ẩm (vị trí này thường nằm thấp hơn vị trí hạt bắt đầu lăn xuống một chút – khoảng 1,5 đường kính thiết bị), sau đó khi lăn xuống phần đáy thiết bị sẽ được bám thêm 1 lớp bột nguyên liệu, hạt theo lực ma sát,

lực li tâm sẽ lăn lên phía trên đỉnh thiết bị, quá trình lăn do hạt quay theo nhiều chiều vì vậy lớp bột bị ép chặt vào hạt, khi hạt lăn vào khu phun nước quá trình sẽ tiếp tục xảy ra và như vậy hạt càng ngày càng to lên, có xu hướng nổi lên phía trên bề mặt hỗn hợp và tự trào ra ngoài thiết bị. Như vậy quá trình diễn ra liên tục.

Bọc tạo áo sản phẩm bằng lớp nguyên liệu khô và mịn, cấp vào phần vành ngoài thiết bị tạo hạt đĩa quay trước khi lấy sản phẩm ra. Màu sắc nguyên liệu bọc áo chính là yếu tố quyết định màu sắc của sản phẩm cuối cùng. Hạt NPK, NK, trung lượng sau đó sẽ chuyển xuống băng tải đến công đoạn sấy.

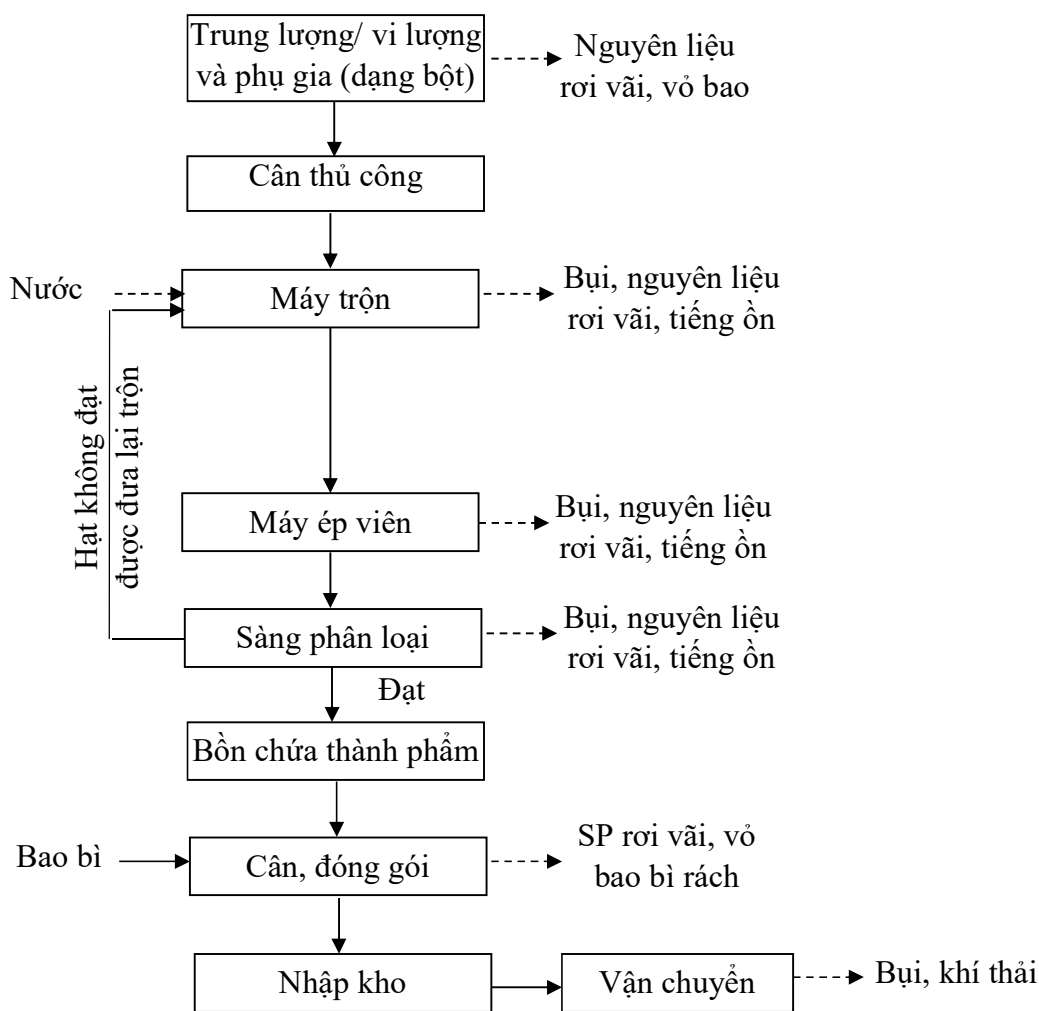
5. Công đoạn sấy: Mục đích của sấy là tạo độ ẩm cho hạt theo yêu cầu (2-4%) để làm tăng độ cứng, tránh hiện tượng kết khối hạt. Sau quá trình vê viên tạo hạt, NPK, NK, trung lượng bán thành phẩm có độ ẩm khoảng 4,5 – 6% được băng tải đưa chuyển vào máy sấy thùng quay. Máy sấy thùng quay hoạt động theo nguyên lý sấy xuôi chiều: Khí nóng và sản phẩm đi cùng chiều với nhau trong thùng sấy. Khí nóng được cấp từ hệ thống lò đốt củi thông qua hệ thống quạt hút. Khí nóng dùng để sấy hạt có nhiệt độ từ 150 – 300⁰C (sấy trực tiếp). Nhờ thùng quay được đặt nghiêng và bên trong thùng có lắp các cánh đảo nên các hạt được đảo đều và chuyển dần về cuối thùng sấy. Khi ra khỏi thùng sấy các hạt có nhiệt độ là 80 – 90⁰C và độ ẩm 2 - 4%. Dòng khí nóng sau khi trao đổi nhiệt với hạt sẽ hạ xuống còn khoảng 110⁰C và mang theo nhiều bụi. Sau khi sấy hạt được đưa sang công đoạn sàng.

6. Làm nguội tự nhiên: Thành phẩm sau khi sấy được làm nguội tự nhiên trong thiết bị thùng quay. Thùng quay được đặt nghiêng, sản phẩm chuyển dịch từ đầu thùng đến cuối thùng. Không khí được quạt hút vào thùng và đi ngược chiều với sản phẩm, làm hạ nhiệt độ của sản phẩm từ 70- 80 C xuống còn 30⁰C. Khí sau khi đi ra khỏi thùng làm nguội cũng chứa lượng lớn bụi sản phẩm.

7. Sàng phân loại: Sản phẩm sau khi được làm nguội tiếp tục theo băng tải đưa đến sàng rung để loại bỏ các hạt không đúng kích thước quy định. Hạt đạt yêu cầu về kích thước được băng tải chuyển đến bồn chứa thành phẩm. Hạt không đạt sẽ được thu hồi đưa qua máy nghiền sau đó đưa lại bồn chứa phối liệu để ép viên lại.

8. Định lượng, đóng bao: Sản phẩm sau khi sàng được chứa vào cyclone sản phẩm. Sản phẩm được chuyển qua máy định lượng và đóng bao tự động. Tại đây các sản phẩm được đóng bao với trọng lượng theo yêu cầu của khách hàng. Các sản phẩm sau khi đóng bao được đưa về kho chứa chờ xuất cho khách hàng.

c. Quy trình công nghệ sản xuất phân NPK, phân NK, phân NPK bổ sung trung lượng, phân trung lượng (loại 1 viên mảnh)



Hình 4. Quy trình công nghệ sản xuất phân bón NPK, phân bón NK, phân bón NPK trung lượng (loại 1 hạt mảnh)

*** Thuyết minh:**

Quy trình phối trộn phân bón NPK, NK, phân NPK bổ sung trung lượng dạng 1 hạt mảnh gồm các công đoạn như sau:

1. Chuẩn bị, nguyên liệu:

- Nguyên liệu chính chứa các thành phần trung lượng, vi lượng và các chất phụ gia như MKP, GA3, vitamin..., các nguyên liệu đều dưới dạng bột.

- Nguyên liệu được mua từ các đơn vị cung cấp truyền thống, có uy tín trong nước và được cán bộ kỹ thuật kiểm tra chất lượng trước khi đưa vào sản xuất. Các loại phân bón đều được định lượng theo công thức của từng sản phẩm bằng hệ thống điều khiển tự động.

2. Máy trộn (chảo trộn): Các nguyên liệu được định lượng theo tỉ lệ, công thức của từng sản phẩm sau đó đưa vào chảo trộn, trộn đều trong khoảng 15-20 phút. Các nguyên liệu sau khi được phối trộn với nhau theo đúng tỷ lệ sẽ được đưa vào bồn chứa phối liệu.

3. **Máy ép tạo hạt:** Phối liệu được đưa vào máy ép viên (máy ép tạo hạt) để tạo hạt theo kích thước định sẵn. Trong quá trình hoạt động của máy tạo hạt, nước được sử dụng để làm ẩm hỗn hợp. Hạt được tạo ra từ máy là các dạng hạt mảnh.

4. **Sàng phân loại:** Sản phẩm ra khỏi máy ép viên sẽ được băng tải đưa đến sàng rung để loại bỏ các hạt không đúng kích thước quy định. Hạt đạt yêu cầu về kích thước được băng tải chuyển đến bồn chứa thành phẩm. Hạt không đạt sẽ được thu hồi đưa quay lại chảo trộn và sau đó đưa lại máy ép tạo hạt.

5. **Kiểm tra:** Sau công đoạn sàng phân loại, hỗn hợp được kiểm tra về các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, cảm quan về màu sắc, độ ẩm, độ mịn.

6. **Định lượng, đóng bao:** Sau khi kiểm tra về cảm quan đạt yêu cầu sản phẩm được chuyển qua máy định lượng và đóng bao tự động. Tại đây các sản phẩm được đóng bao với trọng lượng theo yêu cầu của khách hàng. Các sản phẩm sau khi đóng bao được chuyển lưu kho chờ xuất.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Sản xuất phân bón hữu cơ: 9.000 tấn/năm.
- Sản xuất (phối trộn) phân bón vô cơ: 9.500 tấn/năm.

Hiện tại, Cơ sở đang hoạt động đạt 100% công suất.

Sản phẩm của Công ty đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cục bảo vệ thực vật Quyết định về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam số 0356/QĐ-BVTV-PB ngày 28/03/2018.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm: Các sản phẩm của nhà máy phục vụ cho nông nghiệp trong nước.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu

Bảng 1. Nhu cầu về nguyên, nhiên vật liệu của cơ sở

TT	Tên sản phẩm	Khối lượng	Tỷ lệ	Nguồn cung cấp
I	Nguyên liệu sản xuất phân vô cơ (bao gồm 2% hao hụt)	9.696,88	100	-
1	Đạm - Ure (NH ₂) ₂ CO	1.376,96	14,2	Cà Mau, TQ
2	SA (Amonium Sulphate) (NH ₄) ₂ SO ₄	964,84	9,95	Trung Quốc
3	Amoni Clorua (NH ₄ Cl)	964,84	9,95	Trung Quốc
4	DAP (Di moniphosphate) (NH ₄) ₂ HPO ₄	1.231,50	12,7	Trung Quốc, Nga
5	Cao lanh (hạt độn Zeolite)	1.919,98	19,8	Trung Quốc

	$Al_2Si_2O_5(OH)_4 \cdot n.H_2O$			
6	Lân	2.559,98	26,4	Lâm Thao
7	Kali	465,45	4,8	Canada, Nga
8	Thành phần trung vi lượng	213,33	2,2	Trung Quốc
	Tổng I	9.696,88	100	
II	Nguyên liệu pha chế phân hữu cơ (bao gồm 2% hao hụt)			
	Mùn (than mùn)	5.510,2	60	Việt Nam
	Vi sinh vật, gi mật	183,67	2	Việt Nam
	Urê	358,16	3,9	Việt Nam
	Lân	2.554,89	32,68	Việt Nam
	Kali	393,06	4,28	Việt Nam
	Axit humic	183,67	2	Việt Nam
	Tổng II	9.183,67	100	
	Tổng I + II	18.880,55		

Nguồn: Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang – tháng 8/2024

- Nguyên liệu sản xuất phân bón vô cơ

+ Đạm Urê $(NH_2)_2CO$: là loại phân đạm tốt nhất hiện nay, có tỉ lệ %N rất cao (46%), không làm thay đổi độ axit - kiềm của đất, do đó thích hợp với nhiều loại đất trồng khác nhau. Nhược điểm của ure là dễ chảy nước, tuy ít hơn so với muối nitrat, vì vậy phải bảo quản ở nơi khô ráo.

+ SA (Amonium Sulphate) $(NH_4)_2SO_4$. Đây là amôn sunphát, được điều chế từ amoniac và axit tương ứng. Muối amoni có dạng tinh thể nhỏ không màu và rất dễ tan. Muối amoni có khả năng làm cho đất chua thêm (có pH <7), do đó chỉ thích hợp cho loại đất ít chua, hoặc đã được khử chua từ trước (dùng vôi). Việc bảo quản phân đạm amoni cần để nơi thoáng mát và tránh lẫn với các chất kiềm (vôi sống, vôi tôi...).

+ NH_4Cl (amoni clorua): Amoni Clorua tồn tại dưới dạng hạt trắng, hoặc dạng tinh thể, không mùi, không màu, có vị mặn và có tính hút ẩm. Amoni Clorua còn được gọi là đạm clorua, được dùng làm nguyên liệu để sản xuất phân bón, chiếm 90% nguyên tố nitơ (đạm) cho cây trồng. Ngoài ra, Amoni Clorua cũng là loại phân amôn sinh lý chua. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả tốt nhất cho cây trồng nên bón kết hợp với phân lân cùng các loại phân bón khác.

+ DAP (Di amoni phosphate) $(NH_4)_2HPO_4$ là loại phân vừa có đạm, vừa có lân. Trong phân có tỷ lệ đạm là 10-18%, tỷ lệ lân là 44-50%. Phôtphat đạm có dạng viên,

màu xám tro hoặc trắng. Trên thị trường hiện nay đang lưu hành hai loại phân bón ammonphot là DAP(18-46-0) và MAP(10-50-0) phân dễ chảy nước. Vì vậy, người ta thường sản xuất dưới dạng viên và được đựng trong các bao nilông. Phân rất dễ tan trong nước và phát huy hiệu quả nhanh. Phân được dùng để bón lót, bón thúc đều tốt. Phân DAP là loại phân trung tính nên có thể sử dụng trên các loại đất khác nhau, còn phân MAP là loại chua sinh lý (pH: 4 - 4.5) nên không thích hợp đối với các loại đất chua. Phân có tỷ lệ đạm hơi thấp so với lân, cho nên cần bón phối hợp với các loại phân đạm khác, nhất là khi bón cho các loại cây cần nhiều đạm.

+ Cao lanh (hạt độn Zeolite) $Al_2Si_2O_5(OH)_4 \cdot n.H_2O$ là chất bề mặt riêng lớn, có thể điều chỉnh được lực axit và nồng độ tâm axit, cấu trúc tinh thể xốp với kích thước mao quản đồng đều phù hợp với nhiều loại phân tử có kích cỡ từ 5Ao - 12Ao và khả năng biến tính tốt. Do đó Zeolit được đánh giá là loại xúc tác có độ bền, hoạt tính và chọn lọc cao. Nhờ có khả năng hấp thụ đặc biệt không chỉ các chất béo, chất đạm mà còn có khả năng hấp thụ cả các loại vi rút và vi khuẩn, vì vậy, được ứng dụng trong sản xuất phân bón làm tăng khả năng sử dụng phân bón của cây trồng.

+ Phân lân: là những phân có chứa nguyên tố dinh dưỡng photpho, dùng bón cho cây trồng. Tác dụng của phân lân thể hiện ở vai trò của nguyên tố photpho đối với thực vật. Photpho đóng vai trò quan trọng trong cơ thể thực vật. Nó tham gia tạo nên các vật chất di chuyển (ADN, ARN, axit nucleic), các hợp chất cao năng (ADP, ATP...). Quá trình dinh dưỡng lân tăng cường phát triển bộ rễ cây. Cây đủ lân bộ rễ phát triển sớm, lông hút sum suê, là cơ sở tạo bộ rễ vững chắc, cây hút dinh dưỡng và phát triển tốt. Cây dinh dưỡng đủ lân còn tăng quá trình đơm hoa, kết quả, chắc hạt. Thiếu lân ảnh hưởng tới quá trình hình thành và chắc hạt nên năng suất giảm rõ rệt.

+ Phân Kali: Nhóm phân bón cung cấp chất dinh dưỡng kali cho cây. Kali có vai trò chủ yếu trong việc chuyển hoá năng lượng trong quá trình đồng hoá các chất dinh dưỡng của cây. Kali làm tăng khả năng chống chịu của cây đối với các tác động không có lợi từ bên ngoài và chống chịu đối với một số loại bệnh. Kali tạo cho cây cứng chắc, ít đổ ngã, tăng khả năng chịu úng, chịu hạn, chịu rét. Kali làm tăng phẩm chất nông sản và góp phần làm tăng năng suất của cây. Kali làm tăng hàm lượng đường trong quả, làm cho màu sắc quả đẹp tươi, làm cho hương vị quả thơm và làm tăng khả năng bảo quản của quả. Kali làm tăng chất bột trong củ khoai, làm tăng hàm lượng đường trong mía. Trong cây K được dự trữ nhiều ở thân lá, rom rạ, cho nên sau khi thu hoạch kali được trả lại cho đất một lượng lớn. Kali có nhiều trong nước ngầm, nước tưới, trong đất phù sa được bồi hàng năm. Vì vậy, việc bón phân kali cho cây không được chú ý đến nhiều. Hiện nay, trong sản xuất nông nghiệp càng ngày người ta càng sử dụng nhiều giống cây trồng có năng suất cao. Những giống cây trồng này thường hút nhiều K từ đất, do đó lượng K trong đất không đủ đáp ứng nhu cầu của cây, vì vậy muốn có năng suất cao và chất lượng nông sản tốt, thì phải chú ý bón phân kali cho cây.

+ Thành phần trung, vì lượng còn gọi là dinh dưỡng trung lượng, dinh dưỡng vi lượng. Dinh dưỡng trung lượng là những chất mà nhóm thực vật cần một lượng vừa phải

gồm Ca, Mg, S. Dinh dưỡng vi lượng là những chất mà nhóm thực vật cần một lượng nhỏ như Fe, Cu, Mn, Bor, Molybden (Mo)...

- Nguyên liệu sản xuất xuất phân hữu cơ:

+ A xít Humic: Là một thành phần chính của các chất humic, đó là những hợp chất hữu cơ quan trọng của đất (đất mùn), than bùn, than đá... Nó được tạo ra bởi sự phân hủy các chất hữu cơ sinh học chết hoặc được hình thành từ các loại cây, lá được người nông dân dùng ủ, chúng được phân hủy tự nhiên bởi các sinh vật có lợi trong đất tạo thành chất dinh dưỡng để nuôi cây và đảm bảo sự phát triển bền vững cho cây trồng. Axit Humic thường được sử dụng như là một bổ sung cho đất nông nghiệp. Có tác dụng cải tạo đất, ảnh hưởng đến độ màu mỡ của đất. Axit Humic có khả năng cố định N, phân hủy photphat và hóa rắn Kali. Axit Humic giúp cây trồng tăng khả năng chịu hạn hán, kháng bệnh, kháng nhiệt độ thấp và kháng muối. Axit Humic không độc hại lắm, không có tác dụng phụ rõ ràng trong thực hành lâm sàng.

+ Men vi sinh (chế phẩm Vixura): là chế phẩm dạng bột chứa 12-15 loại vi sinh vật được phân lập, tuyển chọn tại Viện Công nghệ Sinh học, trong đó có các chủng Bacillus, xạ khuẩn có khả năng sinh ra các enzyme khác nhau để phân huỷ chất hữu cơ trong rác và rơm rạ. Ngoài ra, còn có một số vi sinh vật chức năng như các vi sinh vật đối kháng với một số bệnh của cây trồng (Bacillus sp.), vi sinh vật cố định đạm (Azotobacter sp.), vi sinh vật phân huỷ photphat khó tan (Bacillus sp.)... giúp cho cây trồng dễ dàng hấp thụ dinh dưỡng.

+ Nguyên tố dinh dưỡng đa lượng trong sản xuất phân hữu cơ: Là nhóm dinh dưỡng mà thực vật cần để phát triển, nhóm này gồm có 3 thành phần chính là Đạm (N), Lân (P) và Kali (K).

4.2. Nhu cầu điện, nước và nhiên liệu

Bảng 2. Nhu cầu nhiên liệu, điện, nước cho sản xuất

TT	Nhu cầu	Đơn vị	Số lượng	Nguồn
I	Điện	Kwh/tháng	63.925	Điện lưới của khu vực
II	Nước			
1	Nước cấp cho sinh hoạt	m ³ /ngày	3,5	Nước sạch của khu vực
2	Nước cấp cho đập bụi lò sấy	m ³ /ngày	0,3	Nước sạch khu vực
3	Nước cấp sản xuất (công đoạn tạo hạt, cấp ủ phân hữu cơ)	m ³ /ngày	3,5	Nước thải sinh hoạt sau xử lý
4	Nước PCCC	m ³	200	-
III	Nhiên liệu khác			
1	Dầu bảo dưỡng máy móc	Kg/năm	1.200	Địa phương
2	Củi cấp đốt lò	Kg/năm	30.000	Địa phương
3	Gas cho nấu ăn	Kg/năm	468	Địa phương

Nguồn: Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang – tháng 8/2024

Theo hoá đơn sử dụng nước 3 tháng gần nhất, lượng nước cấp trung bình là 98m³/tháng tương đương 3,8m³/ngày. Các mục đích sử dụng:

- Nước cấp cho sinh hoạt: Công ty có 50 công nhân, có tiền hành nấu ăn nên lượng nước sử dụng là 3,5m³/ngày. Toàn bộ lượng nước này được xử lý sau đó chứa vào bể chứa sử dụng lại cho hoạt động vệ viên, tạo hạt; cung cấp cho quá trình ủ phân hữu cơ.

- Nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất:

+ Nước cấp cho sản phẩm (công đoạn tạo hạt): Theo công nghệ sản xuất lượng nước định mức cho hoạt động tạo hạt là 60 lít/tấn sản phẩm. Toàn bộ lượng nước này được đi vào sản phẩm không phát sinh nước thải. Với công suất là 9.500 tấn sản phẩm/năm thì lượng nước sử dụng là 475m³/năm tương đương 1,82m³/ngày.

+ Nước cấp cho ủ phân hữu cơ: Theo quy trình công nghệ sản xuất mùn trong phân hữu cơ cần duy trì độ ẩm từ 20 – 30%. Để duy trì độ ẩm này Công ty phải bổ sung nước vào quá trình ủ tuy nhiên lượng nước bổ sung phụ thuộc vào nhiều yếu tố như nhiệt độ, thời tiết, chất lượng đầu vào. Lưu lượng bổ sung trung bình 1,68 m³/ngày tương đương 504m³/năm. Lượng nước này được giữ hoàn toàn trong sản phẩm và bay hơi, không phát sinh nước thải.

+ Nước cấp cho các hệ thống xử lý khí thải: Nước được sử dụng tuần hoàn lại 100%. Đặc thù của loại nước này có hàm lượng dinh dưỡng cao do đó toàn bộ lượng nước này được sử dụng cung cấp trong quá trình sản xuất phân bón. Lượng nước bổ sung do rơi vãi khoảng 0,3m³/ngày.

Nguồn nước cấp: Nguồn nước cấp của khu vực do Hợp tác xã Dịch vụ nước sinh hoạt Cổ Dũng.

- Dầu bảo dưỡng máy móc: Được chứa trong các thùng nhựa với khối lượng 25kg/thùng tương ứng 48 thùng/năm (tương đương 24 kg/năm).

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Các hạng mục công trình xây dựng

Cơ cấu sử dụng đất của Công ty đúng theo quy hoạch đã được duyệt tại Quyết định số 4070/QĐ – UBND ngày 28/9/2015 của UBND huyện Kim Thành:

Bảng 3. Cơ cấu sử dụng đất của Công ty

TT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m²)	Tỷ lệ %
1	Đất xây dựng	7.870,37	47,8
2	Đất giao thông, sân đường nội bộ	6.154,13	37,37
3	Đất cây xanh	2.314,05	14,05
4	Đất xây dựng trạm biến áp	64,45	0,39
5	Đất xây dựng trạm cân	63	0,38
	Tổng	16.466	100

Nguồn: Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang – tháng 8/2024

Các hạng mục công trình của cơ sở được bố trí như sau:

Bảng 4. Danh mục các công trình xây dựng

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Hiện trạng
1	Nhà điều hành 3 tầng (ký hiệu 2)	m ²	183,6	HT tốt
2	Khu hành chính (ký hiệu 5)	m ²	74,25	HT tốt
3	Nhà nghỉ công nhân (ký hiệu 8)	m ²	352,75	HT tốt
4	Nhà kho bao bì (ký hiệu 6) – Được sử dụng là kho chứa rác thải	m ²	78	HT tốt
5	Xưởng sản xuất số 1 (ký hiệu 14) – Dây chuyền sản xuất phân vô cơ NPK, NK, phân trung lượng 1 hạt tròn	m ²	1.272,7	HT tốt
6	Xưởng sản xuất số 2 (ký hiệu 15) - Kho chứa phân bón	m ²	1.272,7	HT tốt
7	Xưởng sản xuất số 3 (ký hiệu 16) – Dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ ép 1 hạt mảnh	m ²	979	HT tốt
8	Kho chứa phân bón (ký hiệu 17) - Dây chuyền sản xuất phân vô cơ NPK, NK, phân trung lượng 1 hạt tròn	m ²	979	HT tốt
9	Xưởng sản xuất bao bì PE, PP (ký hiệu 18) – Kho chứa phân bón	m ²	1.287	HT tốt
10	Xưởng sản xuất thức ăn chăn nuôi (ký hiệu 19) – Dây chuyền sản xuất phân hữu cơ + Dây chuyền sản xuất phân vô cơ NPK, NK, phân trung lượng 3 màu	m ²	990	HT tốt
11	Nhà cơ khí, cơ điện (ký hiệu 9) – Được sử dụng làm kho chứa bao bì	m ²	81,25	HT tốt
12	Nhà bảo vệ số 1 (ký hiệu 3)	m ²	17,28	HT tốt
13	Nhà bảo vệ số 2 (ký hiệu 20)	m ²	45	HT tốt
14	Nhà để xe (ký hiệu 4)	m ²	162,34	HT tốt
15	Trạm cân 100T (ký hiệu 10)	m ²	63	HT tốt
16	Trạm biến áp (ký hiệu 11)	m ²	64,45	HT tốt

17	Khu vệ sinh (ký hiệu 21)	m ²	7,5	HT tốt
18	Bể nước cứu hỏa (ký hiệu 7)	m ²	88	HT tốt
19	Bể lọc sinh học	m ²	52,25	HT tốt
20	Diện tích sân đường	m ²	6.154,13	-
21	Diện tích cây xanh	m ²	2.314,05	-
Tổng			16.466	

Nguồn: Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang – tháng 8/2024

*** Các công trình xây dựng:**

- **Nhà điều hành:** Được xây dựng 3 tầng có diện tích xây dựng là 183,6m², tổng diện tích sàn 550,8m²; tổng chiều cao 13,35m. Nhà có kết cấu bê tông cốt thép chịu lực, tường xây gạch, trát vữa xi măng, nền lát gạch Ceramic, cửa chính và cửa sổ là loại cửa kính khung nhôm.

- **Khu hành chính:** Được xây dựng 1 tầng có diện tích xây dựng là 74,25m²; tổng chiều cao 5,1m. Nhà có kết cấu bê tông cốt thép chịu lực, tường xây gạch, trát vữa xi măng, nền lát gạch Ceramic, cửa chính và cửa sổ là loại cửa kính khung nhôm.

- **Khu nhà nghỉ công nhân và bếp ăn:** Được xây dựng 1 tầng có diện tích xây dựng là 74,25m²; tổng chiều cao 5,1m. Nhà có kết cấu bê tông cốt thép chịu lực, tường xây gạch, trát vữa xi măng, nền lát gạch Ceramic, cửa chính và cửa sổ là loại cửa kính khung nhôm.

- **Nhà kho bao bì (ký hiệu 6):** Có diện tích 78m², 1 tầng cao 5,6m. Nhà có kết cấu khung thép, móng sàn bê tông cốt thép. Khu vực này hiện đang được sử dụng làm kho chứa chất thải. Nhà được chia làm 2 khu: khu chứa chất thải sản xuất diện tích 58m²; khu vực chứa rác thải nguy hại: 20m².

- **Xưởng sản xuất số 1 (ký hiệu 14):** Diện tích xây dựng 1.272,7m² có kết cấu khung thép tiền chế zamin, tường xây gạch lửng 3m, phía trên che tôn kết hợp tấm lấy ánh sáng, xà gồ thép, mái lợp tôn. Chiều cao công trình 9,8m. Các cửa ra vào được bố trí thuận tiện (kích thước 4m × 4m, dạng cửa đẩy sang 2 bên). Xung quanh xưởng bố trí các cửa sổ (kích thước 1,8m × 1m) và các tấm thu ánh sáng. Nhà xưởng số 1 hiện đang hoạt động sản xuất phân vô cơ NPK, NK, phân trung lượng 1 hạt tròn.

- **Xưởng sản xuất số 2 (ký hiệu 15):** Diện tích xây dựng 1.272,7m² có kết cấu khung thép tiền chế zamin, tường xây gạch lửng 3m, phía trên che tôn kết hợp tấm lấy ánh sáng, xà gồ thép, mái lợp tôn. Chiều cao công trình 9,8m. Các cửa ra vào được bố trí thuận tiện (kích thước 4m × 4m, dạng cửa đẩy sang 2 bên). Xung quanh xưởng bố trí các cửa sổ (kích thước 1,8m × 1m) và các tấm thu ánh sáng. Nhà xưởng số 2 hiện đang được sử dụng làm kho chứa phân bón vô cơ.

- **Xưởng sản xuất số 3 (ký hiệu 16):** Diện tích xây dựng 979m² có kết cấu khung thép tiền chế zamin, tường xây gạch lửng 3m, phía trên che tôn kết hợp tấm lấy ánh

sáng, xà gồ thép, mái lợp tôn. Chiều cao công trình 9,8m. Các cửa ra vào được bố trí thuận tiện (kích thước 4m × 4m, dạng cửa đẩy sang 2 bên). Xung quanh xưởng bố trí các cửa sổ (kích thước 1,8m × 1m) và các tấm thu ánh sáng. Nhà xưởng số 3 hiện đang diễn ra hoạt động sản xuất phân bón vô cơ ép 1 hạt mảnh.

- **Kho chứa phân bón** (ký hiệu 17): Diện tích xây dựng 979 m² có kết cấu khung thép tiền chế zamin, tường xây gạch lửng 3m, phía trên che tôn kết hợp tấm lợp lấy ánh sáng, xà gồ thép, mái lợp tôn. Chiều cao công trình 9,8m. Các cửa ra vào được bố trí thuận tiện (kích thước 4m × 4m, dạng cửa đẩy sang 2 bên). Xung quanh xưởng bố trí các cửa sổ (kích thước 1,8m × 1m) và các tấm thu ánh sáng. Khu nhà này hiện đang hoạt động sản xuất phân vô cơ NPK, NK, phân trung lượng 1 hạt tròn.

- **Xưởng sản xuất bao bì PP, PE** (ký hiệu 18): Diện tích xây dựng 1.287 m² có kết cấu khung thép tiền chế zamin, tường xây gạch lửng 3m, phía trên che tôn kết hợp tấm lợp lấy ánh sáng, xà gồ thép, mái lợp tôn. Chiều cao công trình 9,8m. Khu nhà này hiện đang là kho chứa phân bón.

- **Xưởng sản xuất thức ăn chăn nuôi** (ký hiệu 19): Diện tích xây dựng 990 m² có kết cấu khung thép tiền chế zamin, tường xây gạch lửng 3m, phía trên che tôn kết hợp tấm lợp lấy ánh sáng, xà gồ thép, mái lợp tôn. Chiều cao công trình 9,8m. Khu nhà xưởng hiện đang là khu vực sản xuất phân hữu cơ; sản xuất phân vô cơ NPK, NK, phân trung lượng 3 màu.

- **Nhà cơ khí, cơ điện (ký hiệu 9)**: Hiện đang được sử dụng làm kho chứa rác diện tích 81,25m², 1 tầng cao 5,6m. Nhà có kết cấu khung thép, móng sàn bê tông cốt thép. Khu vực có vị trí giáp nhà vệ sinh chung. Kho được thành 2 ngăn trong đó khu vực chứa chất thải thông thường diện tích 50m²; kho chứa chất thải nguy hại diện tích 31,25m².

- **Nhà để xe (ký hiệu 4)**: Nhà để xe có kết cấu đơn giản, khung thép chịu lực, mái tôn, không có tường bao ngăn cách với khu vực bên ngoài. Diện tích nhà để xe 162,34m².

- **Nhà bảo vệ**: Có 02 nhà bảo vệ, trong đó nhà bảo vệ số 1 có diện tích 17,28 m², nhà bảo vệ số 2 có diện tích 45 m² nằm. Nhà bảo vệ có kết cấu BTCT, tường xây gạch, trát vữa, quét sơn; có 01 cửa ra vào, là loại cửa khung nhôm kính, mái lợp tôn.

- **Trạm biến thế (ký hiệu số 11)**: Diện tích 64,45m² có kết cấu đơn giản.

- **Nhà vệ sinh chung**: Diện tích 7,5m² được bố trí giáp khu vực kho chứa rác thải. Nhà có kết cấu đơn giản, tường gạch, mái tôn.

- **Hệ thống xử lý nước thải**: Công suất 4m³/ng.đ được xử lý sau đó được chứa trong bể chứa và tuần hoàn sử dụng lại cho hoạt động sản xuất của Công ty. Hệ thống được xây dựng giáp khu vực bể phòng cháy chữa cháy.

- **Bể phốt:** Bể phốt được xây dựng ngầm bên dưới khu vực nhà vệ sinh bao gồm bể phốt khu nhà nghỉ công nhân, bếp ăn $V1 = 13,5m^3$ ($3m \times 2,25m \times 2m$); bể phốt khu vực nhà văn phòng $V2 = 13,5m^3$ ($3m \times 2,25m \times 2m$); bể phốt nhà vệ sinh công nhân chung $V3 = 13,5m^3$ ($3m \times 2,25m \times 2m$).

*** Hạ tầng kỹ thuật:**

- **Hệ thống giao thông:** Diện tích cho toàn bộ đường giao thông là $6.154,13m^2$. Đường giao thông trong Nhà máy được bố trí gồm 2 tuyến chạy thẳng từ cổng đến cuối dự án và đi giữa các nhà xưởng, đường rộng từ 8 – 9m thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và phòng cháy chữa cháy. Hiện trạng đường giao thông đã được bê tông hóa toàn bộ với chiều dày lớp bê tông cốt thép dày 200, mác 300. Hiện trạng đường giao thông của dự án đang tốt.

- **Hệ thống cấp điện:** Nguồn điện để phục vụ quá trình sản xuất, chiếu sáng của Nhà máy được lấy từ lưới điện cấp cho khu vực. Nguồn điện lưới thông qua trạm biến áp công suất 560kVA đi qua tủ điện tổng sau đó phân nhánh cấp cho từng bộ phận sản xuất và chiếu sáng. Hệ thống dây dẫn điện dùng dây vỏ bọc ACV 35 và có các aptomat để bảo vệ các thiết bị điện. Đối với điện chiếu sáng ngoài trời dùng đèn pha chiếu sáng rộng, thiết bị chiếu sáng trong nhà dùng đèn huỳnh quang.

- **Hệ thống cấp nước:** Nguồn nước được lấy từ nguồn nước sạch của khu vực. Nước sạch được cấp vào bể ngầm chứa nước $V = 200m^3$ bằng đường ống HDPE D50. Nước sạch cấp cho các khu vực tiêu thụ nước như khu vực văn phòng, khu sản xuất, khu nhà vệ sinh bằng mạng lưới đường ống phân phối HDPE D32, D27.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy:

Công ty đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 271/TD-PCCC ngày 19/9/2019. Hệ thống PCCC thiết kế theo các quy định, tiêu chuẩn hiện hành. Cụ thể như sau:

- Tổng mặt bằng, khoảng cách an toàn PCCC;
- Bậc chịu lửa của công trình; lối và đường thoát nạn;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà;
- Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống điện cấp cho PCCC;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống hút khói;
- Các bình chữa cháy ban đầu; hệ thống chống sét.

Công ty đã lắp đặt hệ thống PCCC và sẽ tiến hành nghiệm thu các công trình theo đúng quy định của Nhà nước.

- **Hệ thống chống sét:** Để đảm bảo cho quá trình sản xuất được an toàn, liên tục và tránh thiệt hại về tài sản, con người do sét gây ra, tại nhà xưởng chính và các công trình phụ trợ đều có thiết kế hệ thống chống sét hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn TCVN 9385:2012 – Chống sét cho công trình xây dựng - hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo

trì hệ thống. Hệ thống chống sét bao gồm: bộ phận thu sét, bộ phận dẫn xuống, các loại mối nối, điểm kiểm tra đo đạc, bộ phận dây dẫn nối đất, bộ phận cực nối đất.

- **Hệ thống thông gió:** Nhà xưởng được thông gió tự nhiên với hệ thống các cửa sổ thông thoáng xung quanh nhà xưởng kết hợp với các cửa chính và quạt thông gió bố trí trên tường. Ngoài ra, lắp đặt điều hòa dân dụng tại các phòng ban.

- **Hệ thống thoát nước mưa:**

+ Hệ thống thu gom và thoát nước mưa trên mái: Nước mưa theo ống dẫn PVC D90 dài 276m từ trên mái chảy xuống hệ thống rãnh thu gom nước mặt ở dưới xung quanh nhà máy.

+ Hệ thống rãnh thu gom nước mặt ở phía dưới là rãnh B400 có tổng chiều dài 530m bố trí xung quanh nhà xưởng, độ dốc 0,12%, qua 23 hố ga lắng cặn trong đó 5 hố ga các kích thước 1,1mx0,8mx1,3m; 13 hố ga lắng cặn có kích thước 1,1mx0,8mx1,45m; 05 hố ga lắng cặn kích thước 1mx0,8mx1,6m. Toàn bộ nước mưa của nhà máy được đầu nối vào mương tiếp nhận nước thải phía Tây của nhà máy tại 1 điểm xả.

+ Tọa độ điểm xả (hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN2.000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰): X(m) 2318922; Y (m): 597465.

- **Hệ thống thoát nước thải:** Nước thải phát sinh bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải từ quá trình đập bụi lò sấy.

+ Đối với nước thải đập bụi lò sấy: Được sử dụng tuần hoàn, định kỳ 1 tuần/lần theo đường ống dẫn dẫn về bể xử lý cùng nước thải sinh hoạt.

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại bể phốt theo đường ống HDPE D110 dài 287m, I = 2% tự chảy vào bể xử lý. Chất lượng nước thải đầu ra đạt mức B của QCVN40:2011/BTNMT và mức B của QCVN14:2008/BTNMT. Đa phần lượng nước này được bơm sử dụng lại cho quá trình tạo hạt mà không thải ra ngoài môi trường. Công ty chỉ thải ra ngoài mương tiếp nhận phía Tây nhà máy trong trường hợp nước bị dư thừa.

+ Tọa độ điểm đầu nối nước thải (hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN2.000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰): X(m) 2318938; Y (m): 597465.

5.2. Danh mục máy móc thiết bị

Danh mục trang thiết bị phục vụ sản xuất của cơ sở như sau:

Bảng 5. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Tình trạng	Xuất xứ
1	Dây chuyền vệ hạt phân bón	1	Dây chuyền	Hoạt động tốt	Việt Nam
2	Dây chuyền cấp, định lượng vệ hạt phân bón	2	Dây chuyền	Hoạt động tốt	Việt Nam

3	Dây chuyền sấy và làm nguội	3	Dây chuyền	Hoạt động tốt	Việt Nam
4	Dây chuyền phối trộn, đóng bao vô cơ	3	Dây chuyền	Hoạt động tốt	Việt Nam
5	Dây chuyền phối trộn, đóng bao hữu cơ	2	Dây chuyền	Hoạt động tốt	Việt Nam
6	Máy ép viên phân bón	4	Chiếc	Hoạt động tốt	Trung Quốc
7	Máy khâu bao	10	Chiếc	Hoạt động tốt	Trung Quốc
8	Máy nghiền	3	Chiếc	Hoạt động tốt	Trung Quốc
9	Băng tải lên máy trộn, máy ép viên	12	Chiếc	Hoạt động tốt	Việt Nam
10	Băng tải lên máy sấy	2	Chiếc	Hoạt động tốt	Việt Nam
11	Băng tải ra liệu	4	Chiếc	Hoạt động tốt	Việt Nam
12	Máy trộn (chảo trộn)	4	Chiếc	Hoạt động tốt	Trung Quốc
13	Máy sàng	1	Chiếc	Hoạt động tốt	Trung Quốc
14	Cân đóng bao thành phẩm tự động	2	Chiếc	Hoạt động tốt	Trung Quốc
15	Cân đóng bao thành phẩm thông thường	5	Chiếc	Hoạt động tốt	Trung Quốc, Việt Nam
16	Xe nâng hàng	1	Chiếc	Hoạt động tốt	Trung Quốc
17	Quạt công nghiệp	5	Chiếc	Hoạt động tốt	Việt Nam
18	Hệ thống xử lý khí thải	2	Chiếc	Hoạt động tốt	Việt Nam
19	Thiết bị văn phòng khác	8	Chiếc	Hoạt động tốt	Nhật Bản, Việt Nam

Nguồn: Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang – tháng 8/2024

5.3. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện của cơ sở

5.3.1. Tiến độ thực hiện của cơ sở

Cơ sở đang hoạt động ổn định và thực hiện thủ tục đề xuất xin cấp giấy phép môi trường theo Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

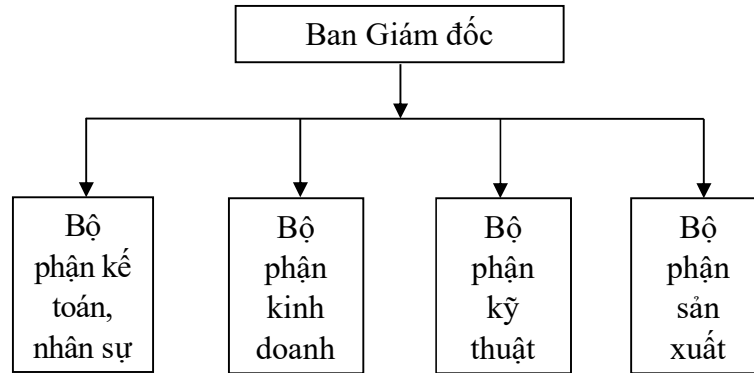
5.3.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư của dự án: 35.210.000.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ, hai trăm mười triệu đồng). Trong đó:

- Vốn tự có của Nhà đầu tư: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng chẵn).
- Vốn vay để thực hiện dự án: 25.210.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm tỷ, hai trăm mười triệu đồng).

5.3.3. Tổ chức quản lý và thực hiện của cơ sở

a. Sơ đồ tổ chức của Nhà máy



Hình 5. Cơ cấu tổ chức và quản lý sản xuất của Nhà máy

b. Nhu cầu về lao động

- Số lượng cán bộ công nhân viên nhà máy giai đoạn hiện tại: 50 người

c. Chế độ làm việc

- Số ngày làm việc trong năm: 312 ngày/năm
- Số ca làm việc trong ngày: 1 - 2ca/ngày
- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ và quyền lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh

Hiện tại quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch về phân vùng môi trường của tỉnh Hải Dương chưa được ban hành.

Vị trí dự án nằm tại xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, dự án của Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang phù hợp với các quy hoạch, cụ thể như sau:

- Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 09/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2015, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 30/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Kim Thành đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành danh mục dự án thu hút đầu tư, hạn chế thu hút đầu tư và không thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2024 - 2030.

- Dự án nằm gần đường quốc lộ 5A nên việc vận chuyển diễn ra rất thuận lợi. Dự án không nằm trong khu vực có công trình văn hóa, tôn giáo và di tích lịch sử.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Khi dự án hoạt động phát sinh chất thải ảnh hưởng đến môi trường đất, nước và không khí

- Đối với nước thải: Nước thải sinh hoạt, nước từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò sấy được thu gom về hệ thống xử lý nước thải chung, nước thải sau xử lý đạt mức B của QCVN 14:2008/BTNMT; mức B của QCVN40:2011/BTNMT được sử dụng cho công đoạn vè viên, tạo hạt. Công ty chỉ thải ra ngoài trong trường hợp sử dụng nước dư thừa.

- Đối với khí thải: Công ty tiến hành thu gom toàn bộ khí thải khu vực sấy, làm mát vào hệ thống xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Đối với chất thải rắn: Chất thải rắn từ dự án đều được thu gom và xử lý theo quy định. Đối với từng loại chất thải, Công ty có phương án thu gom, xử lý phù hợp.

*** Đánh giá hiện trạng nguồn tiếp nhận nước thải:**

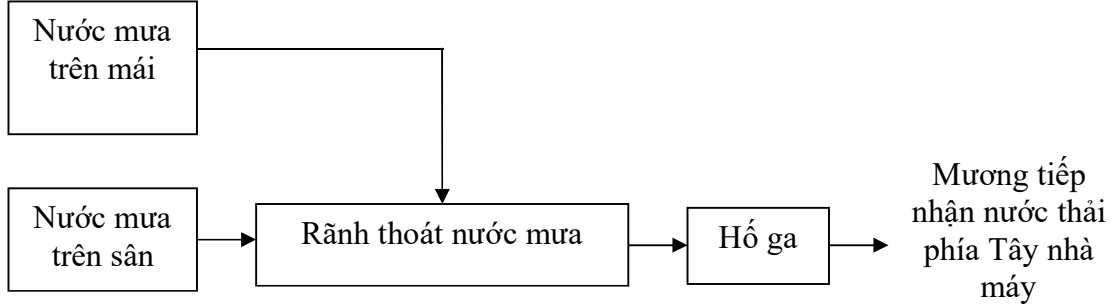
Nước thải của Công ty được tuần hoàn sử dụng lại cho hoạt động sản xuất và chỉ thải ra ngoài khi hoạt động dư thừa. Nguồn tiếp nhận nước thải của Công ty là mương cấp nước tưới tiêu cho khu vực. Đây là mương có lưu lượng biến đổi theo mùa vụ do đó mương hoàn toàn có thể tiếp nhận được nước thải của Cơ sở khi thải ra.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa



Hình 6. Mạng lưới thu gom nước mưa

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa:

+ Hệ thống thu gom và thoát nước mưa trên mái: Nước mưa theo ống dẫn PVC D90 dài 276m từ trên mái chảy xuống hệ thống rãnh thu gom nước mặt ở dưới xung quanh nhà máy.

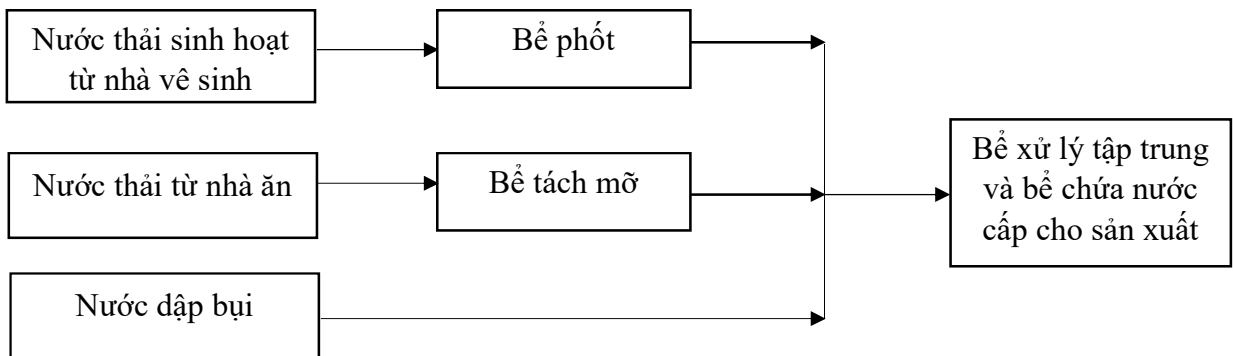
+ Hệ thống rãnh thu gom nước mặt ở phía dưới là rãnh B400 có tổng chiều dài 530m bố trí xung quanh nhà xưởng, độ dốc 0,12%, qua 23 hố ga lắng cặn trong đó 5 hố ga các kích thước 1,1mx0,8mx1,3m; 13 hố ga lắng cặn có kích thước 1,1mx0,8mx1,45m; 05 hố ga lắng cặn kích thước 1mx0,8mx1,6m. Toàn bộ nước mưa của nhà máy được đầu nối vào mương tiếp nhận nước thải phía Tây của nhà máy tại 1 điểm xả.

+ Tọa độ điểm xả (hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN2.000, kinh tuyến trực 105^o30', múi chiều 3^o): X(m) 2318922; Y (m): 597465.

1.2. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

1.2.1 Công trình, biện pháp thu gom nước thải

Sơ đồ thu gom nước thải của cơ sở như sau:



Hình 7. Mạng lưới thu gom nước thải

- Đối với nước thải đập bụi lò sấy: Được sử dụng tuần hoàn, định kỳ 1 tuần/lần theo đường ống dẫn dẫn về bể xử lý cùng nước thải sinh hoạt.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại bể phốt theo đường ống PVC D110 dài 287m, I = 2% tự chảy vào bể xử lý. Chất lượng nước thải đầu ra đạt mức B của QCVN40:2011/BTNMT và mức B của QCVN14:2008/BTNMT. Đa phần lượng nước này được bơm sử dụng lại cho quá trình tạo hạt mà không thải ra ngoài môi trường. Công ty chỉ thải ra ngoài mương tiếp nhận phía Tây nhà máy trong trường hợp nước bị dư thừa.

- Tọa độ điểm đầu nổi nước thải (hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN2.000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰): X(m) 2318938; Y (m): 597465.

1.2.2 Công trình xử lý nước thải

a. Công trình xử lý sơ bộ

- Hiện tại, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 3,5 m³/ngày. Đặc tính của nước thải là chứa nhiều tạp chất, hàm lượng chất ô nhiễm cao. Để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh, Công ty sử dụng bể phốt 3 ngăn để xử lý sơ bộ sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 4 m³/ngày.

- Thông số kỹ thuật của các bể phốt như sau: Bể phốt được xây dựng ngầm bên dưới khu vực nhà vệ sinh bao gồm bể phốt khu nhà nghỉ công nhân, bếp ăn V1 = 13,5m³ (3mx2,25mx2m); bể phốt khu vực nhà văn phòng V2 = 13,5m³ (3mx2,25mx2m); bể phốt nhà vệ sinh công nhân chung V3 = 13,5m³ (3mx2,25mx2m).

Kết cấu: Bể phốt được xây gạch chi đặc, 3 ngăn, trát vữa xi măng chống thấm.

b. Công trình xử lý nước thải chung

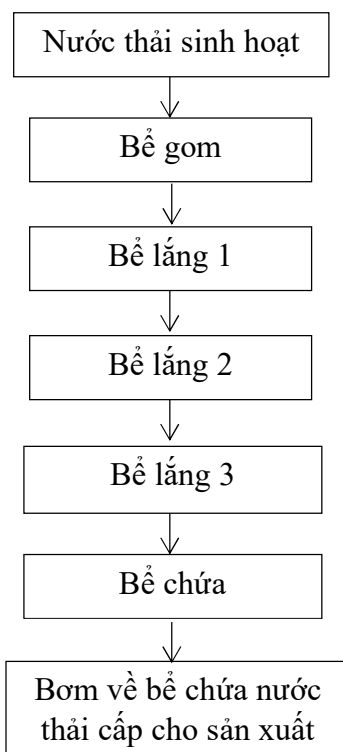
Để xây dựng hệ thống xử lý nước thải, Công ty ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số 1812/2019/HĐ – TCXD với Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Tân Phú Phát.

Công trình hoàn thiện và đi vào sử dụng năm 2020.

- Công suất hệ thống: 4 m³/ngày đêm

- Công nghệ xử lý: Công nghệ lắng lọc

- Quy trình công nghệ:



Hình 8. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

*** Thuyết minh:**

Nước thải sinh hoạt xử lý sơ bộ qua bể phốt cùng với nước thải nhà ăn qua bể tách mỡ được dẫn vào bể thu gom thông qua ống PVC D110, dài 287m, I = 2%. Tại bể gom, nước thải được 1 bơm công suất 5m³/h bơm lên bể lắng số 1 qua đường ống PVC D27. Từ bể lắng 1 nước tiếp tục được dẫn qua bể lắng 2, bể lắng 3, bể chứa cuối cùng thông qua các cửa tràn. Nước từ bể chứa cuối cùng được bơm công suất 10m³/h bơm về bể chứa nước thải cấp cho sản xuất thông qua đường ống HDPE D30, dài 120m.

Nước được sử dụng lại hoàn toàn và không thải ra ngoài môi trường. Trong trường hợp dự thừa, nước sau xử lý được thải ra ngoài môi trường tại 1 điểm xả theo đường ống PVC D90, dài 10m.

- Thông số kỹ thuật các bể xử lý:

Bảng 6. Thông số kỹ thuật các bể trong hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

TT	Hạng mục	Thể tích (m ³)	Số lượng	Kết cấu
1	Bể gom	3x3x1,5=13,5m ³	01 bể	Bể xây gạch, trát vữa xi măng chống thấm, phía trên bể có mái che
2	Bể lắng 1	3x3x1,5=13,5m ³	02 bể	
3	Bể lắng 2	6x4,35x1,5= 39,15m ³	02 bể	
4	Bể lắng 3	6x4,35x1,5= 39,15m ³	01 bể	
5	Bể chứa	6x4,35x1,5= 39,15m ³	01 bể	

Bảng 7. Máy móc, thiết bị trong hệ thống xử lý

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bơm nước thải - Q = 5 m ³ /h - H _d = 6,5 m - P = 1HP	Cái	1
2	Bơm nước thải - Q = 10 m ³ /h - H _d = 10,5 m - P = 1HP	Cái	1
3	Ống dẫn HDPE D30	m	120

- Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

*** Đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống:**

Theo kết quả quan trắc tháng 7/2023, tháng 12/2023 được thể hiện tại chương 5 của báo cáo cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm có giá trị đều đạt quy chuẩn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT mức B. Do nước cấp đầu vào để sản xuất của Công ty không cần tiêu chuẩn do đó toàn bộ nước thải đều được tận dụng lại để sản xuất mà không thải ra ngoài môi trường.

Một số hình ảnh của bể gom xử lý nước thải:



c. Các thiết bị, hệ thống quan trắc tự động

Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang của Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang không thuộc quy định tại Phụ lục 28 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường do đó không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động.

2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải

Theo Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 Khoản 2, Điều 53 - Bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có ghi: các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có chất độc hại đối với người và sinh vật; có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động đến sức khỏe con người phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư. Khoảng cách từ nhà máy đến khu dân

cur gần nhất về phía Bắc là 500m, phía Nam là 1,5km (đều không thuộc hướng gió chủ đạo) tuy nhiên, Công ty đều thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh ra ngoài môi trường. Cụ thể như sau:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do các phương tiện giao thông;
- Thực hiện biện pháp thông thoáng nhà xưởng đảm bảo hoạt động cho công nhân.
- Giảm thiểu mùi từ qua trình lưu trữ, phối trộn, ủ phân
- Thực hiện việc thu hồi và xử lý khí thải, bụi từ công đoạn sấy và làm mát.

2.1. Các biện pháp giảm thiểu khí thải giao thông

Để giảm thiểu tác động xấu của bụi và khí thải giao thông đến môi trường và sức khỏe con người, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Phân định khu để xe: bố trí nhà để xe gần cổng ra vào của Công ty, có biển báo hướng dẫn nội quy ra vào.
- Hạn chế các phương tiện giao thông chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm vào giờ cao điểm (giờ tan tầm của công nhân).
- Đồ bê tông các tuyến đường, sân bãi trong khu vực.
- Thường xuyên quét dọn sân, đường trong khu vực.
- Trồng cây, chăm sóc cây xanh nhằm giảm thiểu bụi phát tán vào môi trường không khí. Cây xanh còn tạo môi trường vi khí hậu, không gian dạo chơi, nghỉ ngơi.

Hiện tại, các biện pháp đang áp dụng đạt hiệu quả cao nên Công ty tiếp tục áp dụng các biện pháp này để giảm thiểu tác động bụi, khí thải.

2.2. Biện pháp đảm bảo hoạt động của công nhân trong nhà xưởng đồng thời giảm thiểu mùi từ các công đoạn sản xuất

Để giảm thiểu mùi và đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân khu vực sản xuất phân hữu cơ. Công ty trang bị các quạt đứng đồng thời bố trí hệ thống cửa sổ thông gió tự nhiên. Thông số kỹ thuật như sau:

- Cửa sổ: 12 cửa/xưởng, kích thước 1mx1,2m. Cửa sổ thông gió kết hợp lấy sáng.
- Đối với quạt đứng công nghiệp: gồm 25 quạt, công suất 150m³/h; P 220W; Xuất xứ: Việt Nam

*** Đánh giá hiệu quả xử lý**

Theo kết quả quan trắc định kỳ năm 2023 cho thấy tại các khu vực xưởng sản xuất phân vô cơ NPK, NK, phân trung lượng (loại 1 viên tròn) – nhà xưởng số 1; Khu vực xưởng sản xuất phân bón ép viên dạng mảnh – nhà xưởng số 3 đều giá trị nằm trong quy chuẩn của QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT.

2.3. Hệ thống thu hồi xử lý bụi, khí thải sấy

Trong quy trình sản xuất phân vô cơ loại 1 hạt viên tròn, Công ty tiến hành sử dụng củi để sấy ngay sau khi tạo hạt để tạo đảm bảo độ ẩm cần thiết. Hoạt động sấy trực tiếp sẽ phát sinh bụi, khí đốt (CO, SO₂, Nox) và NH₃. Để giảm thiểu tác động của khí thải phát sinh từ khu vực sấy, Công ty tiến hành lắp đặt 2 hệ thống thu gom, xử lý khí thải, bụi từ khu vực sấy tương ứng với 2 dây chuyền sản xuất phân vô cơ loại 1 hạt viên tròn.

- Sơ đồ công nghệ:

Bụi, khí thải → cyclone → quạt hút → bể đập bụi → ống thải

- Thuyết minh:

Trong quá trình sấy, hơi khí nóng từ hệ thống lò sấy đốt củi được cấp vào 1 đầu của ống sấy. Đầu bên kia của ống sấy sử dụng quạt hút để hút khí nóng đi qua hạt phân bón chuyển động trong ống sấy. Khí thải sau khi đi qua ống sấy sẽ mang theo bụi đi vào cyclone đập bụi để thu bụi lớn. Khí thải cùng bụi nhỏ tiếp tục được quạt hút hút theo đường ống dẫn vào hệ thống bể đập bụi bằng nước để thu hồi lượng bụi nhỏ còn lại. Khi đi qua bể đập bụi bằng nước, bụi được nước giữ lại đồng thời khí sạch theo đường ống thải thoát ra ngoài môi trường.

Nước trong bể đập bụi được sử dụng tuần hoàn không thải ra ngoài. Hàng ngày Công ty phải bổ sung thêm một lượng nước cho bể do bay hơi.

- Thông số kỹ thuật:

+ Hệ thống đường ống: ống thép vuông BxH = 400x350; dài 8m/hệ thống

+ Quạt hút: 1cái/hệ thống, công suất: 5.000m³/h/cái; Công suất 11kW; U = 380.

+ Cyclone thu bụi: 1 chiếc/hệ thống; vật liệu: thép; kích thước D800; H =1,5m.

+ Bể nước: 1 bể/hệ thống; bể xây gạch trát vữa xi măng chống thấm; Kích thước 5mx2mx2m (V = 20m³).

+ Ống thải: 1 cái/hệ thống; vật liệu inox 304; chiều cao H = 7m, D300.

- Thông số quan trắc: lưu lượng, bụi tổng, SO₂, CO, Nox, NH₃

- Chất lượng khí thải đầu ra: đạt mức B của QCVN19:2009/BTNMT với Kp=1; Kv=1,2; QCVN21:2009/BTNMT mức B với Kp=1; Kv=1,2.

- Hình ảnh của hệ thống:



Hình ảnh cyclone và đường ống



Hình ảnh bể đập bụi



Hình ảnh ống thải

2.4. Hệ thống thu hồi, xử lý khí thải làm nguội

Theo công nghệ sản xuất NPK 1 hạt, sau khi hạt được sấy tiếp tục được làm nguội. Công ty sử dụng phương pháp làm nguội tự nhiên, dùng không khí thổi vào sản phẩm. Khi thổi không khí vào sản phẩm làm giảm nhiệt độ của sản phẩm đồng thời kéo theo bụi sản phẩm ra ngoài môi trường. Để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải Công ty tiến hành lắp đặt 2 hệ thống thu gom, xử lý bụi tương ứng với 2 chuyên sản xuất sản phẩm 1 hạt tròn trước khi thải vào môi trường tiếp nhận.

Công trình đã được hoàn thành và bàn giao vào tháng 4/2020.

- Sơ đồ công nghệ:

Khí thải, bụi phát sinh từ thùng làm nguội → quạt hút → Bể lắng khô → túi lọc bụi → thải ra ngoài môi trường.

- Thuyết minh:

Khí thải, bụi từ thùng làm nguội được quạt hút qua đường ống dẫn đi vào bể lắng khô. Tại bể lắng khô, bụi theo quán tính va đập với thành bể và lắng xuống dưới.

Bể lắng khô được xây kín, phía trên lắp thêm 6 túi lọc bụi túi vải để tiếp tục lọc bụi. Khí thải sạch sau khi đi qua túi lọc được thải ra bên ngoài môi trường nhà xưởng.

- Thông số kỹ thuật:

+ Hệ thống đường ống: Ống vuông kích thước BxH = 400x350; dài 5m/hệ thống

+ Bể đập bụi khô: 1 bể/hệ thống; kết cấu bể được xây gạch, trát vữa xi măng chống thấm.

+ Túi vải: Vải polyeste, 6 chiếc/hệ thống; kích thước túi D 50xH 70

+ Quạt hút: 01 chiếc/hệ thống; công suất 5.000m³/h/cái

- Hình ảnh của hệ thống:



Hình ảnh đường ống và bể đập bụi



Hình ảnh túi lọc bụi

3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở bao gồm: Chất thải sản xuất thông thường và chất thải rắn sinh hoạt.

3.1. Đối với chất thải sinh hoạt

Chất thải sinh hoạt chủ yếu là thức ăn thừa, giấy vụn, túi nilon..... Với lượng công nhân là 50 người hoạt động tại nhà máy khối lượng rác thải phát sinh khoảng 20kg/ngày tương đương 6.240kg/năm. Đây là chất thải có khả năng phân huỷ gây mùi cao do vậy nếu không thu gom sẽ gây ô nhiễm môi trường. Để giảm thiểu tác động của chất thải này, Cơ sở thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý như sau:

- Trang bị 5 thùng chứa loại 20 lít/thùng tại khu hành chính, các nhà xưởng, nhà vệ sinh.

- Bố trí 1 công nhân vệ sinh để thu gom, vận chuyển. Cuối mỗi ngày chất thải sinh hoạt được thu gom sau đó được đưa ra phía ngoài cổng để đơn vị thu gom vận chuyển.

- Ký hợp đồng số 235-24/HĐ/MXT-ST với Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại Môi trường Xanh (đại chỉ Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải. Tần suất thu gom đối với rác thải sinh hoạt là 1 ngày/lần.

3.2. Đối với chất thải công nghiệp

Theo công nghệ sản xuất thực tế và theo phân loại chất thải theo Thông tư 02/2022/TT – BTNMT, số lượng và loại chất thải sản xuất phát sinh trong quá trình sản xuất của Công ty như sau:

Bảng 8. Danh mục, khối lượng chất thải sản xuất

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Xi cùi (5% nhiên liệu sử dụng)	1.500	04 02 06
2	Bao bì nhựa, nilon không chứa chất thải nguy hại (không sử dụng lại được – chiếm 2% tổng lượng bao sử dụng)	775	18 01 06
3	Palet gỗ	300	18 01 07
4	Bao bì carton hỏng, rách	150	18 01 05
5	Bùn từ hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống bể phốt	5.000	12 06 10
	Tổng	7.725	

Đây là những chất thải không bị phân hủy, không gây mùi. Tuy nhiên nếu không được thu gom sẽ làm mất cảnh quan, ảnh hưởng đến môi trường khu vực. Để giảm thiểu tác động từ các loại chất thải này, Công ty thực hiện các biện pháp:

- Phân loại tại nguồn đối với từng loại chất thải để đảm bảo cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đối với bùn thải hệ thống thu, thoát nước mặt; từ hệ thống xử lý nước thải Công ty thuê đơn vị có chức năng đến hút trực tiếp vào xe bồn và chở đi xử lý, không lưu trữ tại nhà máy. Tần suất nạo vét hệ thống khoảng 6 tháng/lần.

- Bố trí khu vực chứa chất thải diện tích là 78 m² (chia làm 02 kho, kho chứa chất thải rắn thông thường 78 m², kho chứa chất thải nguy hại 20 m²); khu vực kho chứa bao rách: 20m² (bố trí phía cuối xưởng sản xuất phân vô cơ 1 hạt – nhà xưởng ký hiệu số 17).

- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- Ngoài ra Công ty còn phát sinh một số loại chất thải như nguyên liệu rơi vãi, bụi từ các bể lọc bụi khô, cặn từ quá trình xử lý khí thải, nước từ quá trình xử lý khí thải đều được sử dụng lại hoặc tuần hoàn và không thải ra ngoài môi trường. Cụ thể như sau:

+ Nguyên vật liệu rơi vãi, bụi từ các thiết bị lọc bụi cyclone, bể lọc bụi khô được thu hồi và đưa lại làm nguyên liệu sản xuất;

+ Cặn từ quá trình xử lý khí thải đều được thu gom và tận dụng lại đưa vào quá trình sản xuất.

+ Nước thải từ quá trình xử lý bụi, khí thải từ: đều được tận dụng đưa lại sản xuất phân mà không thải ra ngoài môi trường.

+ Bao bì chứa nguyên liệu: Tổng nguyên liệu sử dụng là 9.696,88 tấn/năm. Toàn bộ lượng nguyên liệu này được chứa trong bao 50kg/bao như vậy số lượng bao phát sinh là 193.937 chiếc/năm. Khối lượng 1 bao là 0,2kg/bao tương đương 38.787,52kg/năm. Trong đó có 2% lượng bao rách không tận dụng lại được tương đương 775kg/năm. Phần bao bì còn lại được tận dụng để đựng lại thành phẩm và phụ liệu.

4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại

Theo chứng từ thu gom chất thải nguy hại đầu năm 2024 và dự tính một số loại chất thải phát sinh. Số lượng của các loại chất thải nguy hại phát sinh của Cơ sở khi hoạt động ổn định bao gồm:

Bảng 9. Lượng chất thải nguy hại phát sinh của Cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	10
2	Ắc quy thải	19 06 01	Rắn	5
3	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	18 01 01	Rắn	20
4	Bao bì kim loại cứng thải chứa thành phần nguy hại	18 01 02	Rắn	30
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	18 01 03	Rắn	50
6	Chất hấp thụ (Cát lót kho chứa chất thải nguy hại,...), giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	30
7	Dầu tổng hợp thải, dầu máy thải	17 02 03	Lỏng	20
Tổng				165

Nguồn: Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang

Để giảm thiểu tác động của chất thải nguy hại đến môi trường, Cơ sở đang thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý như sau:

- Tiến hành phân loại chất thải ngay tại nguồn.
- Bố trí 1 công nhân thu gom, vận chuyển chất thải.
- Trang bị 7 thùng chứa, loại 50 lít/thùng tại kho chứa chất thải nguy hại
- Bố trí khu vực chứa chất thải nguy hại 20 m² có vị trí giáp khu vực nhà xưởng sản xuất phân vô cơ 1 hạt. Kho có kết cấu nhà cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào kiểm soát, có dấu hiệu cảnh báo nguy hại. Kho chứa có cửa thông gió, trang bị các thiết bị báo cháy, chữa cháy và cát, xèng.
- Ký hợp đồng số 235-24/HĐ/MXT-ST với Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại Môi trường Xanh (đại chỉ Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải. Tần suất thu gom đối với rác thải nguy hại 6 tháng/lần.

Một số hình ảnh của kho chứa chất thải:



Hình ảnh khu vực chứa rác thải nguy hại



Khu vực chứa bao rách, hỏng

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, rung động phát sinh từ quá trình sản xuất bao gồm:

- Tiếng ồn do hoạt động của các máy móc, thiết bị trong xưởng sản xuất.
- Tiếng ồn do việc vận chuyển, sắp xếp hàng hóa trong kho.
- Tiếng ồn do hoạt động của quạt hút khu vực nhà xưởng.

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, Cơ sở thực hiện các biện pháp như sau:

- Lắp đặt đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt; kiểm tra độ mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.

- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.
- Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ 1 năm/lần.

Tiếng ồn phát sinh trong nhà xưởng sản xuất đạt quy chuẩn QCVN24:2016/TT – BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Theo kết quả quan trắc định kỳ năm 2023 của Cơ sở tại các khu vực sản xuất đều có giá trị nằm trong quy chuẩn cho phép.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố do hệ thống xử lý nước thải hoạt động không hiệu quả

*** Phương án phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải**

Các sự cố hệ thống xử lý nước thải có thể xảy ra gồm hệ thống hoạt động không ổn định, hỏng hóc thiết bị, nứt vỡ đường ống dẫn nước thải, nứt vỡ bể... Để phòng ngừa các sự cố trên, Cơ sở đã thực hiện các phương án phòng ngừa cụ thể sau:

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống dẫn nước thải từ các nguồn phát sinh về hệ thống xử lý, kiểm tra các bơm, hệ thống điện, kiểm tra hoạt động của các thiết bị trong hệ thống;

- Ghi nhật ký vận hành hệ thống: lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm, các chất độc, ảnh hưởng của nhiệt độ hàng ngày;

- Trang bị bơm nước dự phòng;

- Tiến hành làm mái che cho bể đảm bảo bể không chứa nước mưa khi trời mưa.

*** Phương án khắc phục khi xảy ra sự cố**

Sau khi xác định được nguyên nhân, vị trí xảy ra sự cố, Công ty thực hiện các biện pháp khắc phục như sau :

- Thông báo cho phụ trách kỹ thuật hỗ trợ khắc phục sự cố.

- Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

- Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

- Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

- Trường hợp vỡ đường ống dẫn nước thải: ngắt bơm đẩy nước thải về hệ thống, đôn nước thải tạm về hồ gom, đặt bơm hút hết lượng nước thải phát sinh về bể gom để xử lý, nhanh chóng nối lại ống bị vỡ và đưa vào vận hành bình thường

- Trường hợp phát hiện bơm chính trong các bể bị hỏng, dừng hoạt động: Sử dụng các bơm dự phòng để thay thế, đưa các bơm hỏng đi sửa chữa hoặc thay thế trong thời gian nhanh nhất.

- Khi sự cố kéo dài, Công ty thông báo với đơn vị hạ tầng đồng thời giảm tải quá trình sản xuất để sửa chữa, khắc phục.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

Công ty lắp đặt 2 hệ thống thu hồi, xử lý bụi từ khu vực lò sấy và khu vực làm

mát. Công ty áp dụng các biện pháp phòng ngừa như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống xử lý.
- Định kỳ kiểm tra bảo dưỡng đường ống, bơm, quạt hút.
- Định kỳ thay thế nước trong hệ thống xử lý.
- Trong trường hợp khác nếu vì lý do nào đó mà hệ thống xử lý không hoạt động được, thời gian khắc phục sự cố vượt qua 3 giờ thì nhà máy ngừng hoạt động, sau khi sự cố được khắc phục xong thì nhà máy sẽ trở lại hoạt động bình thường.

- Biện pháp khắc phục khi xảy ra sự cố: Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố; Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố; Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố; nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.

6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình phân loại, lưu giữ chất thải

Để phòng ngừa và ứng phó với sự cố trong quá trình phân loại, lưu giữ chất thải Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ, phương tiện để thu gom;
- Đào tạo nhân viên bài bản để phân biệt rõ các loại chất thải;
- Bố trí các khu vực lưu chứa đảm bảo theo yêu cầu.

7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khác

7.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Để phòng ngừa sự cố cháy nổ, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Đã xây dựng lắp đặt hệ thống PCCC và được Công an tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 271/TD-PCCC ngày 19/9/2019.

- Lắp đặt hệ thống PCCC hoàn chỉnh bao gồm hệ thống phòng cháy chữa cháy trong nhà, ngoài nhà và hệ thống báo cháy tự động. Hệ thống PCCC được thiết kế theo các quy định, tiêu chuẩn hiện hành.

- Trong khuôn viên Nhà máy có bố trí các bảng nội quy tiêu lệnh PCCC, cấm lửa.
- Công ty có trang bị 36 bình bột chữa cháy MFZ8, 16 bình chữa cháy MT5, 2 bình MFZ35.

- Công ty đã lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy và màng nước ngăn cháy Drencher.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động có 13 kênh bao gồm 20 đầu báo nhiệt, 30 đầu báo khói, đầu báo khói tia chiếu 20, tổ hợp chuông đèn báo cháy, lắp đặt chủ yếu tại xưởng sản xuất, văn phòng, kho, nhà ăn.

- Thường xuyên huấn luyện cho công nhân công tác phòng cháy chữa cháy, có đội chữa cháy được huấn luyện tốt và luôn ở trạng thái thường trực. Công ty đã ra Quyết định về việc thành lập đội phòng cháy và chữa cháy gồm 25 người.

- Định kì 1 tháng/lần kiểm tra chất lượng và sự vận hành các thiết bị phòng và chữa cháy đảm bảo các thiết bị trong điều kiện làm việc tốt nhất.

*** Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ:**

Khi sự cố cháy nổ xảy ra thì tất cả cán bộ công nhân, khách hàng tùy thuộc vào vị trí đang ngồi nhanh chóng thực hiện các biện pháp sau:

- Ngắt cầu dao điện;

- Báo động bằng bất kỳ hình thức nào;

- Khi xảy ra cháy, tìm mọi cách báo cháy nhanh nhất cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số 114 hoặc Công an nơi gần nhất đồng thời tìm mọi cách để dập cháy và tổ chức việc thoát nạn, cứu người theo phương án.

- Huy động mọi người sử dụng các phương tiện phòng cháy, chữa cháy hiện có: bình chữa cháy cầm tay, vòi nước cứu hoả....

7.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố mất an toàn vệ sinh thực phẩm, lây lan dịch bệnh

Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho cán bộ công nhân viên nhà máy, cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Nhà ăn rộng rãi, thoáng mát

- Tiến hành lưu mẫu thức ăn để tiến hành kiểm tra theo đúng tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm

- Thực hiện khám bệnh định kỳ cho cán bộ công nhân viên

- Trang bị đầy đủ thuốc, vật tư y tế đảm bảo trong công tác sơ cấp cứu cho người lao động và phòng chống dịch bệnh

- Bố trí phòng y tế riêng cho cán bộ công nhân viên tại nhà máy, có đội ngũ y tế túc trực, cấp phát thuốc, khám và sơ cấp cứu kịp thời cho công nhân

- Tăng cường tuyên truyền cho cán bộ công nhân viên về an toàn vệ sinh thực phẩm

7.3. Phương án, phòng ngừa ứng phó sự cố tai nạn lao động

Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố tai nạn lao động như sau:

- Lắp đặt hệ thống ánh sáng phục vụ hoạt động sản xuất đảm bảo cường độ ánh sáng đạt quy chuẩn

- Kiểm tra định kỳ các máy móc thiết bị

- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho công nhân lao động

- Trang bị các phương tiện an toàn lao động cho công nhân như giày, quần áo bảo hộ, găng tay, mũ...

- Thiết lập các bảng hướng dẫn, nội quy vận hành máy móc thiết bị

- Tổ chức các lớp huấn luyện về vệ sinh và an toàn lao động
- Tăng cường công tác vệ sinh công nghiệp

7.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố mất an toàn giao thông

Cơ sở đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố tai nạn giao thông như sau:

- Hạn chế vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, chất thải vào giờ cao điểm (giờ tan tầm của công nhân)
- Xe vận chuyển không chở quá tải trọng quy định và vận tốc cho phép
- Phía trước cổng nhà máy bố trí đường rộng rãi đảm bảo cho xe tải lớn có thể ra vào nhà máy thuận tiện
- Bố trí phân luồng giao thông tại vị trí các khu nhà xe và cổng ra vào nhà máy vào giờ tan tầm của công nhân.

7.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Tuyệt đối tuân thủ theo Luật hóa chất và các văn bản hướng dẫn của Việt Nam hiện hành.
- Tuân thủ các quy phạm, công ước quốc tế trong việc mua hàng, bảo quản và sử dụng hóa chất.
- Công ty thành lập đội ứng phó sự cố hóa chất được tập huấn nghiệp vụ và tập huấn hóa chất do Sở Công thương đào tạo cấp chứng chỉ.
- Lập bảng nội quy nhập hóa chất tại khu vực chứa, khu máy bơm, khu lưu trữ.
- Dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ các Phiếu an toàn hóa chất theo quy định hiện hành.
- Định kỳ tổ chức huấn luyện, kiểm tra công nhân trực tiếp làm việc với hóa chất về các công đoạn.
- Trang bị đầy đủ các phiếu an toàn hóa chất MSDS của từng hóa chất tại khu vực lưu trữ và sử dụng.

- Đề ra các phương án ứng phó tương ứng với từng cấp độ sự cố, cụ thể như sau:
+ *Quy mô sự cố và phương án ứng phó sự cố cấp 1 (cấp cơ sở):*

Sự cố hóa chất cấp cơ sở không lập tức gây nguy hiểm đối với tính mạng, tài sản, môi trường, sản xuất và kinh tế. Các tình huống này có thể kiểm soát bởi các biện pháp xử lý tại chỗ. Trong trường hợp này, chủ cơ sở chịu trách nhiệm chỉ huy hiện trường, tổ chức chỉ huy lực lượng ứng phó sự cố cấp cơ sở để thực hiện ứng cứu kịp thời. Đơn vị cơ sở chịu trách nhiệm huy động lực lượng và thực hiện các biện pháp xử lý trên. Khi có sự cố xảy ra, quy trình thông tin, tiếp nhận và xử lý thông tin sự cố được tiến hành như sau:

Bước 1: Người phát hiện sự cố phải báo ngay cho Ban ứng phó sự cố của cơ sở.

Bước 2: Ban ứng phó sự cố lập tức tập hợp, huy động lực lượng, phương tiện thực hiện việc ứng phó, cụ thể như sau:

Nhân viên ứng phó lập tức trang bị các trang thiết bị bảo hộ ứng phó sự cố.

Tiến hành cô lập hóa chất, cô lập khu vực xảy ra sự cố trong khả năng cho phép, đồng thời triển khai việc cách ly khu vực sự cố và bố trí các biển cảnh báo không cho người không có nhiệm vụ di chuyển vào khu vực xảy ra sự cố.

Dùng các vật liệu trơ hoặc vật liệu tương thích khác như cát thu hồi lượng hóa chất bị rò rỉ, tràn đổ vào thùng chứa chất thải nguy hại và xử lý theo quy định.

Dùng nước rửa sạch khu vực xảy ra sự cố và thu gom, xử lý theo quy định.

Bước 3: Ban ứng phó sự cố ghi nhận và thông báo lên thường trực ban chỉ đạo ứng phó sự cố cấp tỉnh (Sở Công thương).

+ *Quy mô sự cố và phương án ứng phó sự cố cấp 2 (Phối hợp hành động giữa các đơn vị):*

Sự cố hóa chất cấp tỉnh gây nên những nguy hiểm nhất định đối với tính mạng, tài sản và môi trường (cháy nổ nhỏ, tràn đổ, nhiễm độc hóa chất,...). Để kiểm soát các tình huống này, thì ngoài việc triển khai các biện pháp ứng cứu bằng lực lượng của cơ sở, mà còn phải có sự phối hợp, hỗ trợ ứng cứu của các lực lượng, phương tiện sẵn có gần kề khu vực xảy ra sự cố theo phương án ứng phó đã chuẩn bị trước.

Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng cứu của cơ sở hoặc của cụm công nghiệp thì ban chỉ đạo ứng phó sự cố tỉnh tổ chức ứng cứu theo kế hoạch đồng thời đề xuất huy động khẩn cấp nguồn lực cần thiết của các khu vực trong tỉnh và phối hợp với các tỉnh, thành tiếp giáp với tỉnh Hải Dương để ứng phó.

Khi có sự cố cấp 2 xảy ra, quy trình thông tin, tiếp nhận và xử lý thông tin sự cố được tiến hành như sau:

Bước 1: Người phát hiện sự cố phải báo ngay cho ban ứng phó sự cố của cơ sở.

Bước 2: Ban ứng phó sự cố cấp cơ sở báo cho thường trực ban chỉ đạo ứng phó sự cố cấp tỉnh để được hỗ trợ.

Đối với cơ sở: Ban ứng phó sự cố cơ sở tổ chức ứng phó trong đó ưu tiên tiến hành cô lập hóa chất trong khả năng cho phép như bịt các lỗ rò rỉ, tràn đổ, đồng thời triển khai việc cách ly khu vực sự cố và bố trí các biển cảnh báo. Dưới sự phối hợp của cơ quan chức năng dùng xe bồn thu hồi lượng hóa chất bị tràn đổ.

Đối với cơ quan chức năng: Khi nhận được yêu cầu hỗ trợ khẩn cấp, thường trực ban chỉ đạo ứng phó sự cố cấp tỉnh (Sở Công thương) báo cáo ngay cho trưởng ban chỉ đạo ứng phó và lập tức tập hợp, huy động lực lượng, phương tiện thực hiện việc ứng phó:

Sở công thương: Tham mưu cho trưởng ban chỉ đạo các phương án, kế hoạch ứng cứu phù hợp đối với loại hóa chất xảy ra sự cố.

Cảnh sát giao thông: Chặn các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, không cho người không có nhiệm vụ di chuyển về khu vực xảy ra sự cố.

Cảnh sát PCCC: Sử dụng trang phục bảo hộ cá nhân phù hợp đảm bảo không bị phơi nhiễm ammoniac đạt các tiêu chuẩn về an toàn như mắt kính, mặt nạ có thiết bị thở,... để tiếp cận hiện trường.

Lực lượng cứu hộ cứu nạn tiến hành tìm kiếm nạn nhân (nếu có) tại hiện trường sự cố;

Lực lượng cảnh sát PCCC của tỉnh được trang bị xe cứu hỏa và trang thiết bị chữa cháy có khí độc tổ chức dập khí, chữa cháy theo phương án của cảnh sát PCCC.

Chịu trách nhiệm chỉ huy chữa cháy với sự tư vấn của Sở Công thương và chỉ huy chữa cháy tại cơ sở.

Phân bổ lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp và các lực lượng chữa cháy hỗ trợ sao cho phù hợp với tình hình thực tế.

Sau khi ứng cứu xong yêu cầu kiểm tra lại hiện trường và điều tra nguyên nhân xảy ra sự cố.

Bước 3: Thường trực ban chỉ đạo ứng phó sự cố cấp tỉnh (Sở công thương) ghi nhận thông tin sự cố vào sổ trực ban.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1054/GXN – UBND ngày 27/5/2021, theo Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường thì đây là văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Điểm thay đổi so với Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch môi trường đã được cấp:

- Theo giấy xác nhận: Nước thải sau khi xử lý đạt mức B của QCVN14:2008/BTNMT với $K = 1,2$; mức B của QCVN40:2011/BTNMT với $K_q=0,9$; $K_f = 1,2$ được thải ra ngoài ruộng phía Tây cơ sở.

- Thực tế: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép được sử dụng cho hoạt động tạo hạt, ủ phân và hầu như không thải ra ngoài. Công ty sẽ chỉ thải ra ngoài khi cần thiết.

9. Kế hoạch, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

Cơ sở không có phương án phục hồi, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn nước thải phát sinh:

+ Nguồn số 1: Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh.

+ Nguồn số 2: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò sấy, làm nguội (tuần hoàn sử dụng lại, định kỳ 6 tháng – 12 tháng/lần hoặc theo khả năng hấp thụ được thay thế và đưa vào quy trình sản xuất phân hữu cơ)

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 4m³/ng.đ

- Dòng nước thải: Dòng nước thải đề nghị cấp phép là nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN14:2008/BTNMT mức B với K= 1,2; QCVN40:2011/BTNMT mức B với Kq=0,9; Kf=1,2.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	pH	-	5,5÷9
2	Màu		
3	COD	mg/l	162
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108
6	Amoni (NH ₄ ⁺), tính theo Nitơ	mg/l	10,8
7	Tổng Ni tơ	mg/l	43,2
8	Tổng phốt pho	mg/l	6,48
9	Cadimi (Cd)	mg/l	0,108
10	Chì (Pb)	mg/l	0,54
11	Đồng	mg/l	2,16
12	Sắt	mg/l	5,4
13	Asen	mg/l	0,108
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0108
15	Tổng chất rắn hòa tan		1.200
16	Nitrat (NO ₃ ⁻), tính theo N	mg/l	60
17	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
18	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
19	Phosphat (PO ₄ ³⁻), tính theo P	mg/l	12
20	Coliform	MPN/100ml	5.000

- Nước thải được tận dụng lại quá trình sản xuất và chỉ thải ra ngoài trong trường hợp dư thừa. Hoạt động xả thải phép theo đường ống PVC D90 dài 10m, $i = 0,3\%$ chảy vào hệ thống tiếp nhận của khu vực tại 1 điểm xả. Tọa độ điểm xả: X(m): 2318916; Y(m) : 597451

- Phương thức xả thải: Gián đoạn

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 1: Bụi, khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò sấy thuộc dây chuyền sản xuất phân vô cơ 1 hạt số 1.

+ Nguồn số 2: Bụi, khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò sấy thuộc dây chuyền sản xuất phân vô cơ 1 hạt số 2.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 10.000m³/h

+ Lưu lượng khí thải của nguồn 1: 5.000m³/h

+ Lưu lượng khí thải của nguồn số 2: 5.000m³/h

- Dòng khí thải: Gồm 2 dòng thải tương ứng với 2 nguồn thải.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Vị trí	Thông số	Quy chuẩn
Ống thoát từ hệ thống xử lý khí thải lò sấy của chuyền sản xuất 1 hạt số 1	Lưu lượng, bụi, CO, SO ₂ , NO _x ; NH ₃	QCVN19:2009/BTNMT mức B với K _p =1, K _v =1,2; QCVN21:2009/BTNMT mức B với K _p =1; K _v =1,2.
Ống thoát từ hệ thống xử lý khí thải lò sấy của chuyền sản xuất 1 hạt số 2		

- Tọa độ các vị trí xả thải: (hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN 2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ vị trí xả thải đối với nguồn số 1: X(m): 2318920; Y(m): 597598

+ Tọa độ vị trí xả thải đối với nguồn số 2: X(m): 2318919; Y(m): 597514

- Phương thức xả thải: Xả trực tiếp ra môi trường; liên tục theo ca làm việc.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ khu vực sản xuất 1 hạt; khu vực sản xuất phối trộn phân 3 màu; khu vực 1 hạt mảnh.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: tọa độ vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°):

+ Khu vực sản xuất sản phẩm phân bón vô cơ 1 hạt tròn: X(m) 2318923; Y(m): 597584

+ Khu vực sản xuất phối trộn phân 3 màu: X(m) 2318978; Y(m): 597511

+ Khu vực sản xuất phân 1 hạt mảnh: X(m) 2318947; Y(m): 597511

- Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/ BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

4. Nội dung chương trình quản lý đối với chất thải

- Nguồn và khối lượng:

+ Khối lượng, chủng loại chất thải sản xuất phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Xi cùi (5% nhiên liệu sử dụng)	1.500	04 02 06
2	Bao bì nhựa, nilon không chứa chất thải nguy hại (không sử dụng lại được – chiếm 2% tổng lượng bao sử dụng)	775	18 01 06
3	Palet gỗ	300	18 01 07
4	Bao bì carton hỏng, rách	150	18 01 05
5	Bùn từ hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống bể phốt	5.000	12 06 10
	Tổng	7.725	

+ Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	10
2	Ắc quy thải	19 06 01	Rắn	5
3	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	18 01 01	Rắn	20

4	Bao bì kim loại cứng thải chứa thành phần nguy hại	18 01 02	Rắn	30
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	18 01 03	Rắn	50
6	Chất hấp thụ (Cát lót kho chứa chất thải nguy hại,...), giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	30
7	Dầu tổng hợp thải, dầu máy thải	17 02 03	Lỏng	20
Tổng				165

+ Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh: 6.240kg/năm.

- Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải:

+ **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sản xuất:** khu vực chứa chất thải diện tích là 58 m²; khu vực chứa bao rách hỏng 20m². Khu vực có kết cấu tường bao quanh, mái lợp tôn, nền xi măng.

+ **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:** Trang bị 5 thùng rác dung tích 20 lít/thùng đặt tại khu vực văn phòng, khu vực nhà nghỉ. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:** Bố trí khu vực kho chứa diện tích 20m² có kết cấu tường bao, mái che, có biển báo phân loại đối với từng loại chất thải nguy hại. Trang bị 7 thùng chứa loại 50 lít, có dán mã chất thải nguy hại với từng loại khác nhau; tần suất thu gom 6 tháng/lần. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

1.1. Kết quả quan trắc môi trường năm 2023

Cơ sở thực hiện quan trắc định kỳ nước thải với tần suất 06 tháng/lần. Kết quả phân tích chất lượng nước thải định kỳ năm 2023 được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 10. Tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN40:2011/ BTNMT mức B
			Tháng 7/2023	Tháng 12/2023	
1	pH	-	7,1	7,4	5,5-9
2	Độ màu	Pt/Co	23,5	47,8	150
3	BOD ₅	mg/l	18	19	50
4	COD	mg/l	45	39	150
5	TSS	mg/l	27	54	100
6	Amoni	mg/l	2,09	8,88	10
7	N tổng	mg/l	10,5	12,3	40
8	P tổng	mg/l	5,07	4,25	6
9	Coliform	MPN/100ml	2.200	2.100	5.000

*** Ghi chú**

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, áp dụng mức B

*** Nhận xét**

- Từ kết quả quan trắc định kỳ nước thải của nhà máy qua năm 2023 cho thấy chất lượng nước thải sau xử lý đều đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Như vậy, hệ thống xử lý nước thải của nhà máy đang hoạt động ổn định và đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy.

2. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các khu vực sản xuất

Bảng 11. Tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các khu vực sản xuất (tháng 7/2023)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03:2019/BYT (1)
			SX01	SX02	SX03	
1	Nhiệt độ	dBA	30,5	30,8	30,7	18 - 32⁽²⁾
2	Độ ẩm	dBA	76,5	76,1	76,3	40 - 80⁽²⁾
3	Tiếng ồn	mg/m ³	69,7	71,3	69,9	85⁽³⁾
4	Bụi	mg/m ³	312	269	255	8.000⁽⁴⁾

5	NO2	mg/m ³	232	211	198	10.000
6	SO2	mg/m ³	236	221	205	10.000

Bảng 12. Tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các khu vực sản xuất (tháng 12/2023)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03:2019/BYT (1)
			SX01	SX02	SX03	
1	Nhiệt độ	dBA	26,7	26,9	26,5	18 - 32⁽²⁾
2	Độ ẩm	dBA	62,6	59,9	60,4	40 - 80⁽²⁾
3	Tiếng ồn	mg/m ³	62,6	61,1	62,5	85⁽³⁾
4	Bụi	mg/m ³	335	259	248	8.000⁽⁴⁾
5	NO2	mg/m ³	224	199	184	10.000
6	SO2	mg/m ³	235	203	199	10.000

*** Ghi chú**

- MK1: Khu vực sản xuất xưởng số 1
- MK2: Khu vực sản xuất xưởng số 2
- MK3: Khu vực sản xuất xưởng số 3
- (1) QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, áp dụng giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
- (2): QCVN 26:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- (3): QCVN 24:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp
- (4): QCVN 02:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi-giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, áp dụng giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)

*** Nhận xét**

- Từ kết quả quan trắc định kỳ chất lượng không khí tại các khu vực sản xuất của nhà máy năm 2023 cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều có giá trị nằm trong quy chuẩn cho phép.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở

Theo điểm g, khoản 1, điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 công trình xử lý chất thải của Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang không thuộc đối tượng không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Công ty không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong hai năm gần đây, Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang không có đoàn thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường nào của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CƠ SỞ

Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang của Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang tại xã Tuấn Việt, huyện Kim Kinh, tỉnh Hải Dương phù hợp với chính sách phát triển kinh tế của địa phương. Cơ sở góp phần tạo và giải quyết việc làm cũng như thu nhập ổn định cho một số lao động tại địa phương, đóng góp một phần vào ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế. Bên cạnh những tích cực, hoạt động của nhà máy cũng có một số tác động tiêu cực đến môi trường như tạo ra các chất thải chủ yếu là bụi; khí thải, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Các loại chất thải này nếu không được kiểm soát và xử lý triệt để sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực.

Để đảm bảo môi trường, Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang thực hiện các biện pháp giảm thiểu đã được trình bày trong báo cáo.

Công ty cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động xấu và bảo vệ MT đã đề ra trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đồng thời thực hiện việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan. Cụ thể như sau:

1. Nghiêm túc thực hiện các biện pháp nhằm khống chế, giảm thiểu các nguồn ô nhiễm môi trường từ các hoạt động của dự án theo đúng phương án kỹ thuật, quản lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng trong báo cáo này, cụ thể là:

- Đảm bảo chất lượng môi trường không khí tại các khu vực sản xuất đạt QCVN03:2019/BYT; QCVN02:2019/BYT.

- Đảm bảo nước thải sau khi xử lý đạt QCVN40:2011/BTNMT mức B, QCVN14:2008/BTNMT mức B trước khi đầu nối vào mương tiếp nhận nước thải của khu vực.

- Thực hiện theo khoản 2, điều 18, Luật an toàn vệ sinh lao động Công ty tiến hành giám sát môi trường lao động theo quy định để đảm bảo điều kiện làm việc của nhân viên, theo các tiêu chuẩn và quy chuẩn sau: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- Định kỳ 1 năm/lần lập Báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải gửi phòng huyện Kim Thành.

2. Quản lý nghiêm ngặt việc thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng các quy định tại điều số 48 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

3. Thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy, duy trì áp dụng các biện pháp an toàn lao động và an toàn hóa chất;

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam;

5. Đền bù thiệt hại và khắc phục ô nhiễm môi trường khi có sự cố, rủi ro môi trường xảy ra trong quá suốt trình hoạt động của Nhà máy.



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HẢI DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0800446530

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 03 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 21 tháng 03 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN SƠN TRĂNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SON TRANG MANURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NSC JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Km 66- Quốc lộ 5, Xã Tuấn Việt, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0983697089

Fax:

Email: sontrangphanbonnphk@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 300.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Họ và tên: NGUYỄN DANH TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/11/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030078005090

Ngày cấp: 06/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Đội 3, thôn Bắc, Xã Cồ Dũng, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 3, thôn Bắc, Xã Cồ Dũng, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG
ĐĂNG KÝ
KINH DOANH

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Huy Cường

Số: 3726/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 09 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Chủ trương đầu tư Dự án Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang
của Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 2881/BC-SKHĐT ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Hồ sơ đề xuất dự án kèm theo của Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang của Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang, với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư và thông tin về Nhà đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN SƠN TRANG**, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0800446530; đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 08 tháng 01 năm 2016; do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp; địa chỉ trụ sở chính: K66, Quốc lộ 5, xã Tuấn Hưng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông NGUYỄN DANH TÚ; sinh ngày 15 tháng 11 năm 1978; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số: 141801235, ngày cấp: 16 tháng 01 năm 2012, nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương. Chức danh: Giám đốc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường

trú và chỗ ở hiện nay: Đội 3, thôn Bắc, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

2. Tên dự án đầu tư: **CƠ SỞ SẢN XUẤT PHÂN BÓN SƠN TRANG**

3. Mục tiêu dự án: Đầu tư cơ sở sản xuất phân bón nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường.

4. Quy mô dự án:

4.1. Sản xuất phân bón hữu cơ: 9.000 tấn/năm.

4.2. Sản xuất (phối trộn) phân bón vô cơ: 9.500 tấn/năm.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tuấn Việt và xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (tại khu đất trước đây UBND huyện Kim Thành chấp thuận và cho Hộ kinh doanh Nguyễn Danh Tú thuê đất để thực hiện Dự án Cơ sở sản xuất phân bón, bao bì PP, PE, thức ăn chăn nuôi và cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Nay Hộ kinh doanh Nguyễn Danh Tú không còn nhu cầu thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, đã có văn bản đề nghị trả lại phân đất thuê và chuyển nhượng tài sản trên đất cho Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang).

6. Diện tích đất sử dụng: 16.466,0 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 162482 do UBND huyện Kim Thành cấp cho ông Nguyễn Danh Tú ngày 15 tháng 6 năm 2016).

7. Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án.

8. Tổng vốn đầu tư dự án: 35.210.000.000 VND (Ba mươi lăm tỷ, hai trăm mười triệu đồng); trong đó:

8.1. Vốn tự có của Nhà đầu tư để thực hiện dự án: 10.000.000.000 VND.

8.2. Vốn vay để thực hiện dự án: 25.210.000.000 VND.

9. Thời hạn hoạt động của dự án: 30 năm, kể từ ngày Quyết định chủ trương đầu tư.

10. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư (tiến độ xây dựng cơ bản): Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày Quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 2. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên; tuân thủ quy định pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Định kỳ hàng Quý, có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự án, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư:

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến khi dự án chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. UBND huyện Kim Thành có trách nhiệm thu hồi Thông báo số 944/TB-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2015 của UBND huyện Kim Thành về việc chấp thuận dự án xây dựng Cơ sở sản xuất phân bón, bao bì PP, PE, thức ăn chăn nuôi và cho thuê nhà xưởng, kho bãi tại xã Tuần Hưng và xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành và Thông báo số 51/TB-UBND ngày 18 tháng 1 năm 2016 của UBND huyện Kim Thành về việc điều chỉnh mục tiêu sản xuất kinh doanh của Cơ sở sản xuất phân bón, bao bì PP, PE, thức ăn chăn nuôi và cho thuê nhà xưởng, kho bãi của ông Nguyễn Danh Tú tại xã Tuần Hưng và xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

2. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính phát sinh phải nộp đối với ngân sách Nhà nước trong quá trình Hộ kinh doanh Nguyễn Danh Tú chuyển nhượng tài sản trên đất cho Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang theo quy định của pháp luật về thuế; tiền nợ đọng ngân sách Nhà nước của Hộ kinh Nguyễn Danh Tú (nếu có).

3. Sở Tài nguyên và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm hướng dẫn Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành:

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Kim Thành; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang và Thủ trưởng các Cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /*plm*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND xã Tuần Hưng (huyện Kim Thành);
- UBND xã Cổ Dũng (huyện Kim Thành);
- CV VP UBND tỉnh (đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV. Mạnh (25b)./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Đức Sáng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

Số: 2259 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang thuê đất
tại xã Tuấn Việt và xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 685/TTr-STNMT ngày 28 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Cho Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang thuê 16.466 m² đất tại xã Tuấn Việt và xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành (trong đó: 4.129 m² thuộc xã Tuấn Việt và 12.337 m² thuộc xã Cổ Dũng) để thực hiện dự án Cơ sở sản xuất phân bón Sơn Trang theo dự án đầu tư được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh.

- Loại đất cho thuê: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Mã loại đất: SKC);

- Thời hạn sử dụng đất: từ ngày ban hành Quyết định này, đến ngày 09 tháng 12 năm 2050 (theo thời hạn hoạt động của dự án tại Quyết định chủ trương đầu tư số 3726/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh).

- Phương thức thuê đất: trả tiền thuê đất hàng năm.

2. Vị trí, ranh giới khu đất thuê: thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ địa chính số 11, xã Tuấn Việt; thửa đất số 147, tờ bản đồ địa chính số 09 xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành; cụ thể xác định theo mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 02 tháng 7 năm 2021.

Điều 2.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục Thuế tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành; các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân xã Cổ Dũng, Ủy ban nhân dân xã Tuấn Việt căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện các công việc có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, diện tích được thuê; chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về lĩnh vực đất đai, môi trường và các quy định của pháp luật liên quan.

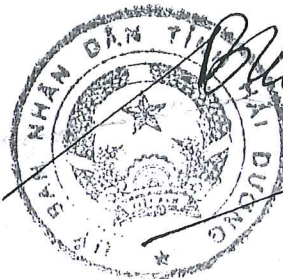
3. Trung tâm Công nghệ thông tin (Văn phòng UBND tỉnh) có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành và đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND huyện Kim Thành; Chủ tịch UBND hai xã: Cổ Dũng, Tuấn Việt và Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: TN&MT (5b), Tài chính, KH&ĐT, Cục Thuế tỉnh;
- Trung tâm CNTT (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT. KTN (12b) //

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Văn Bản



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Số: **1883** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày **01** tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang tại xã Tuấn Việt và xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 931/TTr-STNMT ngày 29 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sê ri số CY 771654 cho Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0800446530 do Phòng ĐKKD - Sở KH&ĐT tỉnh Hải Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 04/8/2020. Địa chỉ trụ sở chính: Km 66 - Quốc lộ 5, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương).

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo thực hiện các công việc có liên quan theo quy định của pháp luật, chỉ đạo thực hiện việc trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp tại mục 1 theo quy định.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Kim Thành, Chủ tịch UBND xã Cổ Dũng, Chủ tịch UBND xã Tuấn Việt và Giám đốc Công ty cổ phần phân bón Sơn Trang căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐKQSDĐ (2b)- Sở TN&MT;
- Lưu: VT.KTN (12b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Văn Bản